

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA
LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG
BOURBON TÂY NINH



(Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh
cấp ngày 23 tháng 03 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định niêm yết số: 27/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán
Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH

Trụ sở: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Tel: (066) 753281

Fax: (066) 839834

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Trương Ngọc Thanh Trúc Số điện thoại: (066) 753250

Trụ sở: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH

(Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 do
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 03 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá niêm yết	:	30.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	44.824.172 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	:	448.241.720.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC)

Đại diện theo pháp luật	:	Bà Vũ Thị Thọ (Chức vụ: Tổng Giám Đốc)
Trụ sở chính	:	4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	:	(08) 2200 237
Fax	:	(08) 2200 265
Email	:	bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Hồ Nam (Chức vụ: Tổng Giám Đốc)
Trụ sở chính	:	6-8 Phó Đức Chính, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	:	(08) 8214 888
Fax	:	(08) 8213 015
Website	:	www.sbsc.com.vn
Email	:	sbs@sbsc.com.vn

MỤC LỤC

I. NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế:	5
2. Rủi ro về nguyên vật liệu:	6
3. Rủi ro trong đầu tư vùng nguyên liệu:	7
4. Rủi ro về pháp luật:	8
5. Rủi ro về giá đường:	9
6. Các rủi ro khác:	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1. Tổ chức niêm yết:	11
2. Tổ chức tư vấn:	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Vài nét về tỉnh Tây Ninh:	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	16
3. Các thông tin cơ bản về Công ty:	19
4. Cơ cấu tổ chức của Công ty:	20
5. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:	21
6. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (31/10/2007):	25
7. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ:	26
8. Danh sách Công ty mẹ của tổ chức niêm yết:	28
9. Danh sách Công ty con của tổ chức niêm yết:	28
10. Hoạt động kinh doanh:	29
10.1. Sản lượng sản phẩm:	29
10.2. Nguyên vật liệu:	32
10.3. Chi phí sản xuất:	36
10.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất:	37
10.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:	44
10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:	45
10.7. Hoạt động marketing:	46
10.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:	49
10.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:	49
11. Phân tích SWOT:	50
11.1. Điểm mạnh	50
11.2. Điểm yếu:	51
11.3. Cơ hội	52
11.4. Thách thức	53
12. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất:	54
13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	55
13.1. Vị thế của Công ty	55
13.2. Triển vọng phát triển của ngành	57
13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	58
14. Chính sách đối với người lao động:	59

15.	Chính sách cổ tức:	60
16.	Tình hình hoạt động tài chính:	61
17.	Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát:	67
18.	Tài sản:	82
19.	Kế hoạch đầu tư:	84
20.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	88
21.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	89
22.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức xin niêm yết:	90
23.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:	90
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	91
1.	Loại chứng khoán:	91
2.	Mệnh giá:	91
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 44.824.172 cổ phiếu	91
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:	91
5.	Giá niêm yết: 30.000 đồng/ cổ phiếu.	91
6.	Phương pháp định giá:	91
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	92
8.	Các loại thuế có liên quan:	92
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	94
1.	Tổ chức niêm yết:	94
2.	Tổ chức kiểm toán:	94
3.	Tổ chức tư vấn:	94
VII.	PHỤ LỤC	95

I. NHÂN TỐ RỦI RO

Để nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các Nhà đầu tư, Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu của Công ty cổ phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về kinh tế là khi một Doanh nghiệp hay một ngành có thể bị ảnh hưởng xấu do nền kinh tế của Quốc gia có những sự biến động suy thoái và có khả năng làm giảm nhu cầu về những sản phẩm của Doanh nghiệp, do đó làm giảm doanh thu và lợi nhuận của Doanh nghiệp. Đối với Công ty cổ phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh, các sản phẩm của Công ty là những mặt hàng mang tính thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của mọi người, được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tiêu dùng, ăn uống, thực phẩm, nước uống, dược phẩm và cả về lĩnh vực năng lượng. Do vậy, khả năng và mức độ ảnh hưởng của nền kinh tế đến các sản phẩm của Công ty có thể nói là không cao lắm, ngay cả khi nền kinh tế bị suy giảm hay bị khủng hoảng. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng nền kinh tế Việt Nam phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế được đánh giá là một trong những nước có chỉ số tăng trưởng cao trên Thế giới, đạt xấp xỉ 8%, và dự báo cho các năm tới sẽ còn cao hơn, thì đây cũng là một điều kiện thuận lợi cho ngành mía đường trong nước nói chung và cho Công ty nói riêng.

a. *Rủi ro về lãi suất:* Đối với một Doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của Doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của Doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Hiện tại, đối với ngành mía đường trong nước thì cơ cấu tỷ lệ vốn vay khá lớn vì do phải đầu tư nhiều về tài sản cố định. Đối với Công ty cổ phần Mía Đường Bourbon, tổng giá trị vay ngắn và dài hạn của Công ty vào thời điểm 30/09/2007 chỉ là

31 tỷ đồng trên tổng tài sản của Công ty là 1.629 tỷ. Như vậy, tỷ lệ về vốn vay của Công ty chỉ khoảng 1,9% trên Tổng tài sản. Hiện tại, khoản vay dài hạn của Công ty là từ nguồn vốn AFD, Quỹ phát triển của Pháp, và được hưởng ưu đãi với lãi suất là 4,62%/năm, do đó chi phí trả lãi vay hiện nay của Công ty không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau thuế của Công ty.

- b. **Rủi ro về tỷ giá ngoại hối:** Rủi ro về ngoại hối là rủi ro khi có sự biến động bất lợi về tỷ giá ngoại hối đến giá thành các nguồn nguyên liệu đầu vào hoặc giá bán các thành phẩm, kết quả làm giảm lợi nhuận của Công ty. Hiện tại nhìn chung các nguồn nguyên vật liệu mà Công ty đang sử dụng như là mía nguyên liệu, dầu DO và các phụ gia và hóa chất sử dụng trong quá trình tinh lọc đường đều được cung cấp theo giá tiền đồng Việt Nam và các thành phẩm của Công ty như đường và phụ phẩm là mật rỉ cũng được thanh toán bằng tiền đồng. Chỉ trừ sản phẩm điện bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam được tính theo ngoại tệ là tiền USD. Tuy nhiên, doanh thu về điện thu được hàng năm của Công ty là vào khoảng 5% trên tổng Doanh thu của Công ty. Nhìn chung, những biến động về tỷ giá ngoại hối có thể xem là sẽ không có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về nguyên vật liệu:

Trong giai đoạn từ năm 2003 trở về trước, hầu hết các nhà máy đường ở Việt Nam chịu tình trạng thua lỗ và gánh những khoản nợ lớn do chủ yếu ảnh hưởng bởi sự thiếu hụt trầm trọng của nguồn nguyên liệu. Đại đa số các Nhà máy đường hoạt động cầm chừng, dưới công suất thiết kế.

Việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu cho Ngành đường Việt Nam có thể nói do nhiều nguyên nhân khách quan tác động. Thứ nhất, ngay từ ban đầu, với sự quản lý lỏng lẻo trong việc lập kế hoạch phát triển ngành đường, tổng công suất thiết kế của tất cả các nhà máy đường được cấp phép thành lập vượt xa so với nguồn cung ứng nguyên liệu mía ở tại các địa phương. Thứ hai, sự biến động về giá đường trong nước cũng như quốc tế cũng đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì việc trồng mía để cung cấp cho các Nhà máy đường trong

nước và đã có sự cạnh tranh gay gắt giữa cây mía và các loại cây trồng khác như cây cao su, cây sắn, cây điều...làm giảm diện tích trồng mía. Thứ ba, sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà máy đường với nhau trong việc thu gom mía nguyên liệu trong giai đoạn thiếu hụt nguyên liệu làm cho giá mía tăng kỷ lục. Thí dụ như, tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu long vào cuối vụ sản xuất đường 2005/2006, giá mía đang từ 400.000 đồng/tấn tăng lên đến 600.000 đồng – 700.000 đồng/tấn đã làm cho đại đa số các Nhà máy sản xuất đường trong khu vực phải chịu lỗ do chi phí giá thành nguyên vật liệu quá cao.

Chịu ảnh hưởng chung tình trạng của Ngành, trong giai đoạn đầu SBT cũng đã gặp không ít khó khăn trong việc thu mua nguyên liệu cho Nhà máy. Công ty đã nghiên cứu và vận dụng nhiều biện pháp nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu bao gồm đầu tư về tài chính cho các hộ nông dân để mua cây giống, phân bón, thuê đất trồng trọt, xây dựng hệ thống tưới tiêu, triển khai công tác khuyến nông để hỗ trợ cho nông dân trồng mía về kỹ thuật canh tác và trồng trọt. Từng bước như vậy, đến nay, Công ty đã xây dựng được diện tích trồng mía trên 16.000 hecta, cung cấp trung bình khoảng 800.000 tấn đến 900.000 tấn mía nguyên liệu/năm. Như vậy, về cơ bản đến nay, nguồn nguyên liệu đầu vào của SBT đã được ổn định, đảm bảo cho việc sản xuất của Nhà máy.

3. Rủi ro trong đầu tư vùng nguyên liệu:

Với đặc thù của Công ty trong việc để đảm bảo nguồn mía nguyên liệu cho sản xuất, Công ty đã phải hợp tác và cho người nông dân vay để mua cây giống, phân bón, hệ thống tưới tiêu hoặc thuê đất... Song song với việc ổn định nguồn nguyên liệu, phương thức này cũng đã làm Doanh nghiệp phải đương đầu với một số khó khăn trong việc thu hồi các khoản đầu tư từ các người nông dân. Trước đây đã có một số trường hợp việc thu hồi các khoản đầu tư cho các hộ nông dân đã phải kéo dài trong nhiều năm, một số đã bị thất thoát và cũng có một số trường hợp không còn khả năng chi trả nữa. Hiện nay, tổng giá trị đầu tư cho người trồng mía của Công ty vào khoảng 150 tỷ đồng, chiếm khoảng 9,2% tổng tài sản. Công ty đã thực hiện trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với những khoản cho nông dân vay với thời hạn từ 1 năm trở lên. Tỷ lệ này của SBT chiếm trung bình khoảng 3% trên tổng giá trị đầu tư. Đến nay, chất

lượng của các khoản cho nông dân vay từng bước đã được cải thiện qua sự đánh giá và sàng lọc hàng năm. Công ty đang nỗ lực giảm tối đa tỷ lệ khoản thu khó đòi này trong tương lai.

Tháng 03/2007, Công ty đã ký Hợp đồng liên kết phát hành thư bảo lãnh số 93/2007/HĐLK ngày 16/03/2007 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Theo đó, Sacombank sẽ phát hành thư bảo lãnh nợ của nông dân đối với Công ty trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo của Nông dân tại Ngân hàng và Hợp đồng đầu tư mà Công ty đã ký kết với nông dân. Động thái này giúp giảm thiểu các rủi ro khi phát sinh nợ khó đòi và nâng cao trách nhiệm của nông dân đối với các cam kết đã ký trên các Hợp đồng đầu tư.

4. Rủi ro về pháp luật:

Rủi ro luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Khi có những thay đổi trong chính sách quản lý về vĩ mô của Chính phủ bao gồm chậm trễ trong việc cấp phép đầu tư, triển khai dự án, những thay đổi quy hoạch trong việc phát triển diện tích trồng mía... hoặc chậm trễ thực hiện các cam kết đều có những tác động bất lợi đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một trong những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Công ty vừa hoàn tất thủ tục chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Tuy nhiên, các hướng dẫn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi sang công ty cổ phần hiện tại vẫn đang còn trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh theo các cam kết hội nhập và tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), do vậy những thay đổi trong chính sách hoặc chậm trễ về cam kết cũng có thể làm ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, theo như lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu đường theo Hiệp định thuế quan ưu đãi (CEPT/AFTA) có hiệu lực chung để tham gia khu vực mậu dịch tự do khối ASEAN đến năm 2010 là còn 5%, trong khi đó hiện nay là 30%. Do vậy, trong giai đoạn hiện nay ngành đường Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn được bảo hộ đối với các sản phẩm đường trong khu vực, đặc biệt là đối với các nước như Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc. Tuy nhiên, trong thời gian qua

hoạt động buôn lậu qua đường biên giới chưa được quản lý chặt chẽ đã ảnh hưởng tới khả năng tiêu thụ và giá đường tại Việt Nam. Nếu hoạt động buôn lậu đường qua biên giới vẫn tiếp tục mà chưa được kiểm soát chặt chẽ cộng với chính sách điều tiết nhập khẩu đường thiếu linh động có thể dẫn tới khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đường.

5. **Rủi ro về giá đường:**

Một trong những yếu tố có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty trong Ngành đường trong thời gian qua đó là tình hình biến động về giá đường. Trong những năm 1999 đến năm 2001, giá đường bị sụt giảm trầm trọng làm các Công ty sản xuất đường phải chịu thua lỗ nặng nề. Tuy nhiên từ đó đến nay, giá đường đang có dấu hiệu phục hồi và dự báo có chiều hướng ổn định và tăng trưởng tốt hơn theo những nhận định của các chuyên gia trong ngành.



Nguồn: SBT

Tuy nhiên, nếu tình hình biến động về giá đường trên thế giới không diễn ra như dự báo, sụt giảm như giai đoạn trước đây thì sẽ ảnh hưởng đáng kể đến ngành đường nói chung và Công ty nói riêng.

6. Các rủi ro khác:

Ngoài các yếu tố rủi ro kể trên, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: các hiện tượng thiên tai, hạn hán, bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn, v.v... ảnh hưởng đến sản lượng nguyên liệu đầu vào đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh công tác an toàn lao động, phòng cháy nổ, bảo vệ môi trường; cũng như mua bảo hiểm cho con người, nhà xưởng, máy móc thiết bị, vật tư, thành phẩm, bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba... để hạn chế những rủi ro này trong hoạt động kinh doanh của mình.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH

Ông Jacques de Chateaufieux	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Philippe Lombard	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Hương	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính và hành chính
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Khổng Văn Minh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi biết được, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SBS)

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông Mạc Hữu Danh	Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 31/2007/TV-NY ký ngày 14 tháng 9 năm 2007 với Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty: Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh
2. Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín
3. Tổ chức Kiểm toán và Tư vấn: Công ty Cổ Phần Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Kế toán (AFC)
4. Bản cáo bạch: là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
5. Vốn điều lệ: là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty.
6. Cổ phần: là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
7. Cổ phiếu: là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh có thể có ghi tên và không ghi tên theo quy định của Điều lệ.
8. Cổ đông: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh.
9. Cổ tức: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
10. Năm tài chính: là năm mươi hai tháng được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
11. Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ;

- c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- d. Người quản lý doanh nghiệp;
- e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên, cổ đông sở hữu phần góp vốn hay cổ phần chi phối;
- f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e trên;
- g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý doanh nghiệp đó;
- h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối quyết định của Công ty.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- 1. SBT : Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh
- 2. SBS : Công ty TNHH Một Thành Viên Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín
- 3. AFC : Công ty Cổ Phần Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Kế Toán
- 4. HĐQT : Hội đồng quản trị
- 5. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- 6. BKS : Ban Kiểm soát
- 7. BTGD : Ban Tổng Giám Đốc
- 8. CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- 9. VND : Đồng Việt Nam
- 10. USD : Đô la Mỹ
- 11. ISO-9001 : Chứng chỉ quản lý chất lượng do Tổ chức AFAQ cấp

- 12. HALAL : Chứng chỉ xác nhận về chất lượng sản phẩm của Cộng đồng người Hồi giáo ở Việt Nam xác nhận
- 13. DTT : Doanh thu thuần
- 14. GPĐKKD : Giấy phép đăng ký kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỜ CHỨC NIÊM YẾT

1. Vài nét về tỉnh Tây Ninh:

Tây ninh thuộc miền Đông Nam bộ, giáp ranh với thành phố Hồ Chí Minh về phía Tây. Diện tích 4.035,45 km² gồm 1 thị xã và 8 huyện, dân số 1,047 triệu người, là cửa ngõ giao lưu quốc tế quan trọng với các nước Campuchia, Thái Lan...Tây Ninh có điều kiện khí hậu rất thuận lợi và ổn định, không bị bão lụt, thiên tai. Nguồn nước dồi dào từ sông Vàm Cỏ Đông và Hồ Dầu Tiếng. Hệ thống giao thông thuận lợi. Quĩ đất và nguồn nhân lực còn rất dồi dào và có nhiều tiềm năng để khai thác về công nghiệp, nông nghiệp, du lịch... Tây Ninh có hai thắng cảnh du lịch nổi tiếng là Núi Bà Đen và Tòa Thánh Cao Đài. Các nhà đầu tư tại tỉnh Tây Ninh hiện đang được hưởng những ưu đãi rất hấp dẫn về thuế, giá thuê đất... và đặc biệt là sự tiếp đón nồng hậu của lãnh đạo tỉnh.

Cơ cấu kinh tế (theo giá so sánh 94) chuyển dịch nhanh, đúng hướng qua các năm, thời kỳ: Năm 1976 nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 89%; công nghiệp xây dựng 2% và dịch vụ 9%. Đến năm 2002 tỷ trọng tương ứng là 46,88%; 21,02% và 32,09%, năm 2003 tỷ trọng tương ứng là: 42,33%; 25,56%; 32,11%, năm 2004 tỷ trọng tương ứng là: 40,45%; 25,06%; 34,49%; năm 2005 tỷ trọng tương ứng là: 38,25%; 25,14%; 36,61% và năm 2006 tỷ trọng tương ứng là: 35,12%; 25,62%; 39,25%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2005-2006 là 17,87%. Phân đấu đến 2010, tỷ trọng trong GDP của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ là 28 -32 - 40; GDP bình quân đầu người 1.000 USD, phân đấu đến năm 2020 Tây Ninh trở thành một tỉnh công nghiệp phát triển bền vững.

Tây Ninh có điều kiện để trở thành tỉnh có nền công nghiệp vững mạnh với việc tập trung xây dựng Khu Công Nghiệp Trảng Bàng, hình thành Khu Công Nghiệp Trâm Vàng, các cụm công nghiệp trong Khu Kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài và các cụm công nghiệp đã được quy hoạch, chuẩn bị tốt các điều kiện để đón đầu tư trong và ngoài nước. Tỉnh ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, đặc biệt là các cây công nghiệp sau: mía đường, bột mì, cao su; những ngành công

ng nghiệp thu hút nhiều lao động như dệt may, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành sản xuất có công nghệ cao khi có điều kiện.

Một trong những lợi thế quan trọng của Tây Ninh là phát triển thương mại qua biên giới trên cơ sở khai thác ưu thế của hệ thống các cửa khẩu. Tập trung đầu tư để phát triển Khu Kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài, Khu Kinh tế Cửa khẩu Xa Mát với vai trò là một trung tâm thương mại hạt nhân, cùng với các cửa khẩu khác, tạo ra một không gian thương mại đồng bộ, hợp lý nhằm phát triển mạnh lợi thế thương mại qua các cửa khẩu.

Xây dựng trung tâm thương mại nội tỉnh trong đó thị xã Hòa Thành, Gò Dầu làm đầu mối lưu chuyển hàng hóa. Tây Ninh sẽ là nơi trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cho khu vực. Do vậy, tỉnh khuyến khích đầu tư các hoạt động dịch vụ như tài chính, tín dụng, bưu chính, vận tải và dịch vụ du lịch...

Tây Ninh hiện đang có hai loại cổ phiếu rất được ưa chuộng tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây ninh (mã TCT) và của Công ty Cổ Phần Cao Su Tây ninh (mã TRC).

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh (SBT) tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Group Sucrecies Bourbon (G.B) và Liên hiệp mía đường II (LHMĐ II) và Liên hiệp mía đường Tây Ninh (LHMĐTN), được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15/7/1995 do Bộ Kế Hoạch & Đầu Tư cấp. Tổng số vốn đầu tư ban đầu của Công ty là 95 triệu USD và vốn pháp định đăng ký là 28,5 triệu USD. Trong đó GB sở hữu 70% vốn điều lệ, LHMĐII sở hữu 15% và LHMĐTN sở hữu 15%.

Dự án đầu tư là Nhà máy sản xuất đường có dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến nhất với sản phẩm chính là đường tinh luyện RE theo tiêu chuẩn Châu Âu, công suất thiết kế lớn nhất Việt Nam là 8.000 tấn mía cây/ngày, giai đoạn 2 là 16.000 tấn mía cây/ngày. Điểm đặc biệt của dây chuyền này là sử

dụng nhiệt lượng từ đốt bã mía để chạy 2 tua bin sản xuất điện với công suất 24MW, hơi nước thứ cấp sau khi qua tua bin sẽ được sử dụng cho sản xuất đường, phần còn thừa sau khi tự cung cấp điện cho toàn nhà máy sẽ được hòa vào lưới điện quốc gia. Giai đoạn 2 sẽ xây dựng trung tâm nhiệt điện độc lập công suất từ 70 đến 100 MW, sử dụng nhiên liệu đồng hành là bã mía và than đá. Việc sản xuất điện thương phẩm song song với sản xuất đường ngoài việc đem lại hiệu ích kinh tế cho Công ty còn có vai trò rất quan trọng đối với địa phương do được sản xuất hoàn toàn trong mùa khô.

Đến tháng 12 năm 1998, SBT điều chỉnh tăng vốn đầu tư lần thứ nhất lên 111 triệu USD và vốn pháp định cũng được tăng lên 39,5 triệu USD theo Giấy phép điều chỉnh số 1316/GPĐC1 của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Tuy nhiên do tình hình sản xuất kinh doanh không thuận lợi, ngành đường rơi vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Tháng 3 năm 1999, Tổng Công ty mía đường II thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn pháp định của mình cho Group Bourbon theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1316/GPĐC2 của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Đến tháng 5 năm 2000, Liên Hiệp Mía Đường Tây Ninh đã chuyển nhượng phần vốn góp cho Tập đoàn Bourbon. SBT được chính thức chuyển đổi hình thức đầu tư thành Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP của Bộ Trưởng Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Tháng 2 năm 2001, SBT điều chỉnh tăng vốn đầu tư lần thứ hai lên 113 triệu USD và vốn pháp định là 112,189 triệu USD theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GPĐC1 của Bộ Trưởng Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư sau khi Tập đoàn Bourbon mua lại nợ vay nước ngoài và vốn hóa toàn bộ số nợ này, qua đó thể hiện sự cam kết đầu tư và phát triển lâu dài của Tập đoàn Bourbon ở Việt Nam.

Tháng 12 năm 2005, SBT được Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư chuẩn y điều chỉnh thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) còn 10% cho suốt đời dự án, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm đầu tiên có lãi (năm 2004) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo và bãi bỏ quy định về thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài theo Giấy phép điều chỉnh số 1316A/GPĐC2.

Tháng 3 năm 2007, SBT được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh cấp phép chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007 với vốn điều lệ là 1.419 tỷ đồng trên cơ sở vốn góp của Công ty TNHH sau khi xử lý toàn bộ lỗ lũy kể đến ngày 31/12/2006.

Tóm tắt tình hình thay đổi vốn của Công ty trong giai đoạn 2003-2006:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2003	31/12/2004	31/12/2005	31/12/2006
1	Tổng vốn đầu tư đăng ký theo GPĐT (1.000 USD)	113.000	113.000	113.000	113.000
2	Vốn điều lệ đăng ký (1.000 USD)	112.189	112.189	112.189	112.189
3	Vốn pháp định thực hiện (triệu VNĐ)	1.055.088	1.105.772	1.226.733	1.419.258

Tóm tắt một số sự kiện quan trọng:

Thời gian	Những sự kiện
15/07/1995	Nhận giấy phép đầu tư và bắt đầu triển khai xây dựng nhà máy ở Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
1998	Lần đầu tiên đưa Nhà máy vào chạy thử
1999	Lễ khánh thành khai trương hoạt động của Nhà máy
2000	Hòa vào lưới điện Quốc gia
2003	Đạt được chứng chỉ ISO 9001:2000
2004	Nhà máy đạt được công suất sản xuất đường tinh luyện 900 tấn/ngày
23/03/2007	Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 1.419.258.000.000 đồng

3. Các thông tin cơ bản về Công ty:

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH
- Tên giao dịch : CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH
- Tên nước ngoài : SUCRERIE DE BOURBON TAY NINH
- Tên viết tắt : SBT
- Logo : 
- Trụ sở : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại : (066) 753 250
- Fax : (066) 839 834
- Email : sbttinh@hcm.vnn.vn
- Website : www.bourbontn.com.vn
- VP thương mại : Phòng 103, Lầu 10, tòa nhà Etown 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM
- Giấy CN Đầu tư : Số 451033000014 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 03 năm 2007
- Vốn điều lệ : 1.419.258.000.000 đồng
- Mã số thuế : 3900244389
- Tài khoản tiền : số 1020100000 81988 tại Sở Giao dịch II Ngân hàng Công Thương Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất đường, các sản phẩm phụ;
 - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
 - Sản xuất điện thương phẩm và điện để tự sử dụng;
 - Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
 - Trồng mía và đầu tư trợ giúp nông dân phát triển việc trồng và nâng cao năng suất mía;

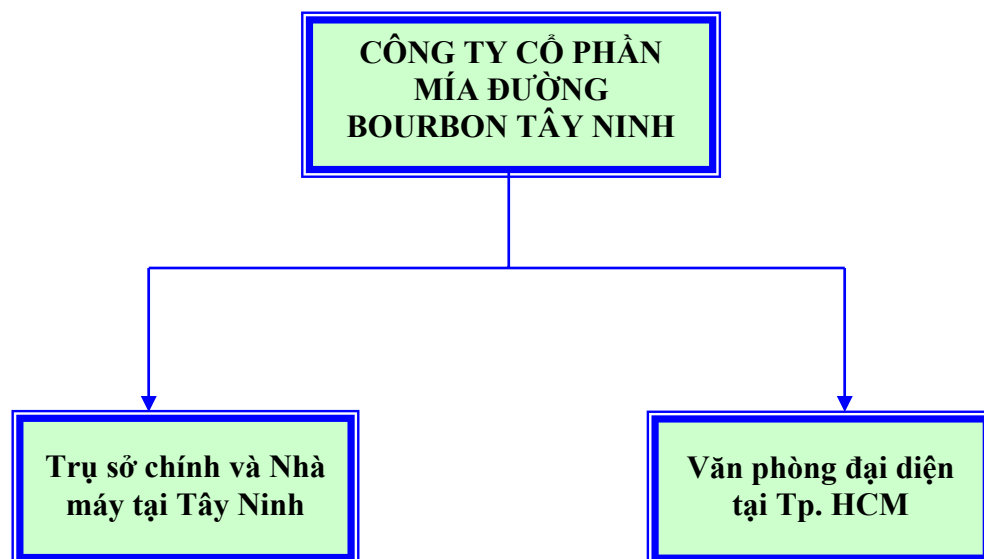
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng;
- Xây dựng và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Xây dựng siêu thị.

Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh nào trong số những lĩnh vực được nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì Công ty chỉ thực hiện lĩnh vực đó sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình khá đơn giản và hiệu quả, bao gồm Trụ sở và Nhà máy sản xuất các sản phẩm đường, mật rỉ và điện được thiết lập tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Văn phòng đại diện của Công ty được đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, phụ trách mảng thị trường phía Nam, để thực hiện công việc giao dịch, tìm kiếm khách hàng, phân phối các sản phẩm đường cho các khách hàng.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty:



- Trụ sở : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- VP thương mại : Phòng 10.3, Lầu 10, tòa nhà Etown 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM

5. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh được tổ chức hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa X thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn.
- Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa X thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn.
- Luật và các quy định khác có liên quan.
- Điều lệ của Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh theo mẫu quy định do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, chi tiết được thể hiện theo sơ đồ Hình 1.

Đại hội Đồng cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định cơ cấu tổ chức hoặc giải tán Công ty, thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho các năm tiếp theo. ĐHĐCĐ cũng quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan điều hành của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội Đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên là người nước ngoài, 03 thành viên là người Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm và các thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty cũng đồng thời là Chủ tịch của Tập đoàn Bourbon: ông Jacques de CHATEAUVIEUX. Ông được giới kinh doanh tại rất nhiều nước biết đến qua sự thành công trong các hoạt động kinh doanh đại siêu thị, bất động sản, hàng hải, chế biến thực phẩm, đầu tư tài chính... Tại Việt Nam, ông cũng là một thương gia rất nổi tiếng.

Ban kiểm soát

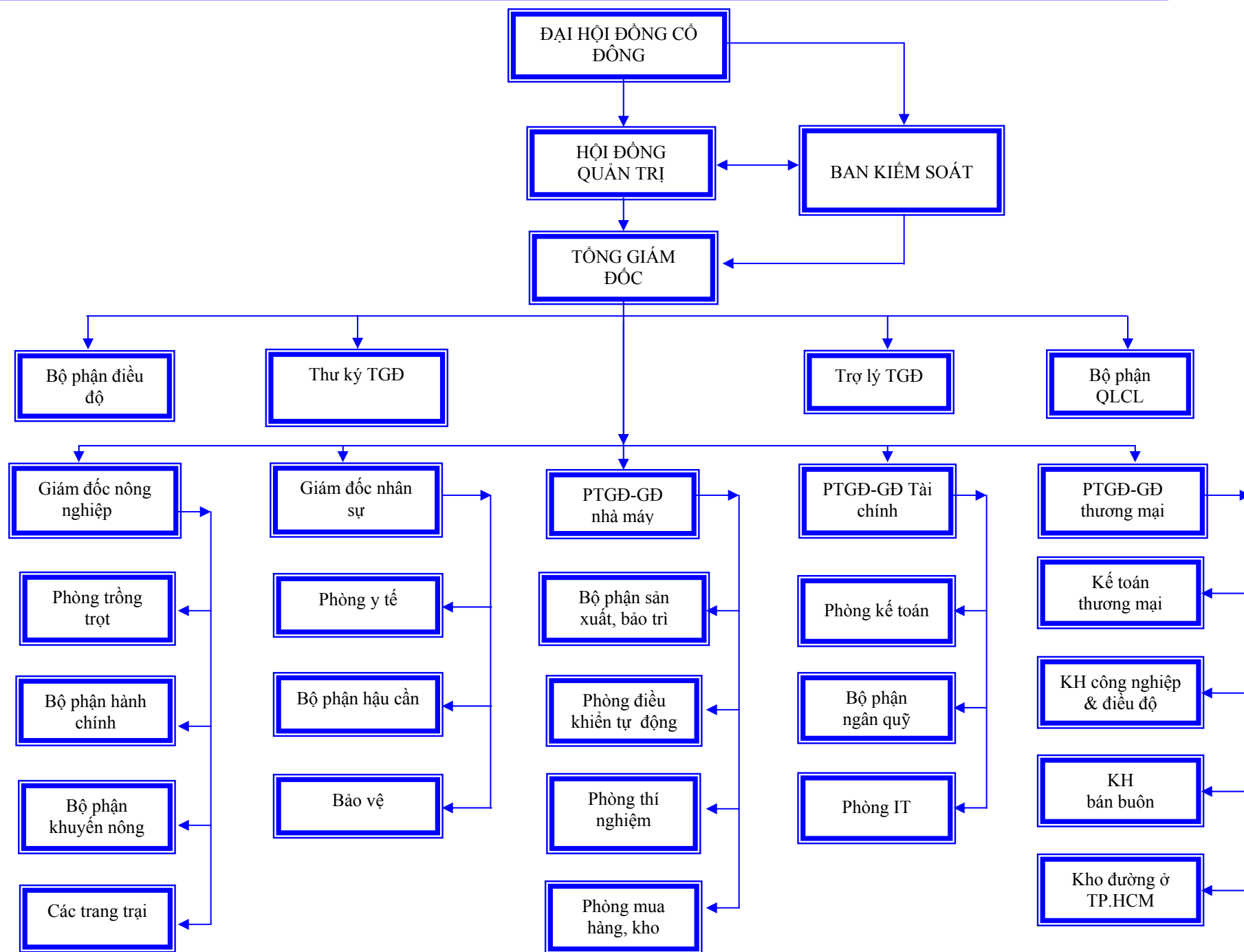
Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và là cơ quan giám sát của Hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có vai trò là đảm bảo các quyền lợi của các cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm một Tổng Giám đốc, ba Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về các nhiệm vụ và quyền hạn được giao phó.

Ban Tổng giám đốc hiện tại gồm 3 người Pháp và một người Việt Nam.

Các chức danh khác trong bộ máy quản lý bao gồm Giám đốc nông nghiệp, Giám đốc Nhân sự, Kế toán Trưởng.



Bộ phận Nhà máy

Bộ phận Nhà máy có trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng và vận hành dây chuyền sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, phân tích tình hình sản lượng, chất lượng của sản phẩm, các biến động, kiểm tra việc áp dụng các tiêu chuẩn vào quá trình sản xuất. Kho vật tư, kho thành phẩm cũng thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ phận Nhà máy... Phòng mua hàng đảm trách mua vật tư, trang thiết bị, công cụ... cho nhà máy và cho các bộ phận khác theo quy trình mua hàng.

Bộ phận Nhân sự

Bộ phận Nhân sự thực hiện các chính sách về lao động của Công ty như quản lý lao động, tiền lương, chế độ, chính sách đối với người lao động; quản lý phòng y tế, hậu cần; quản lý điều hành xe đưa đón nhân viên; xây dựng các kế hoạch đào tạo và huấn luyện nhân viên.

Bộ phận hành chính – tài chính

Bộ phận hành chính – Tài chính thực hiện các công việc kế toán, thống kê, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo và phân tích các hoạt động kinh tế; Quản lý tài chính, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngân quỹ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả; Quan hệ đối ngoại với các cơ quan ban ngành trong Tỉnh và các Bộ ngành Trung ương có liên quan; Chịu trách nhiệm về các thủ tục, hồ sơ pháp lý của Công ty; Quản lý toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của Công ty.

Bộ phận nông nghiệp

Bộ phận nông nghiệp thông qua các trạm nông vụ rộng khắp các địa bàn trong tỉnh để tạo dựng, quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu mía; Quản lý các hợp đồng đầu tư và cung cấp mía của nông dân, thực hiện việc điều phối thu mua, vận chuyển mía hợp lý; Quản lý các trại mía, nghiên cứu và nhân giống mía để cung cấp cho nông dân; Thực hiện các công tác khuyến nông, hướng dẫn hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân.

Bộ phận thương mại

Bộ phận thương mại thực hiện công việc tìm kiếm khách hàng, đàm phán và ký Hợp đồng bán đường và mật. Ký Hợp đồng vận chuyển với các nhà vận tải tại Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh. Thăm dò thị trường và chăm sóc khách

hàng. Thu thập thông tin và nghiên cứu thị trường; quản lý và khai thác hệ thống phân phối của Công ty; tham mưu Ban Giám đốc kế hoạch theo dõi và đánh giá tình hình điều chỉnh kế hoạch kinh doanh.

Bộ phận chất lượng

Bộ phận chất lượng chịu trách nhiệm quản lý, triển khai, kiểm soát quá trình thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO cũng như giám sát công tác đo lường, đánh giá chất lượng của sản phẩm và các loại vật tư sản xuất chính.

6. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (31/10/2007):

Bảng 1: *Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần:*

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Bourbon Địa chỉ: 33 Rue du Lovre, 75002 Paris, Cộng hòa Pháp GPĐKKD số 310879499 do Phòng đăng ký KD Paris, Cộng hòa Pháp cấp ngày 08/01/1973	97.081.628	68,40%
2	Công ty TNHH Kinh Đô Địa chỉ: 6/134 Quốc lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TPHCM GPĐKKD số 048307 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 02/03/1993	7.096.290	5,00%
3	Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam Địa chỉ: 184-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TPHCM GPĐKKD số 41030011932 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 20/11/2003	7.096.290	5,00%
	Tổng	111.274.208	78,40%

7. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ:

Tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần, danh sách các cổ đông sáng lập và số lượng cổ phần nắm giữ như sau:

Bảng 2: *Danh sách các cổ đông sáng lập*

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/10/2007	Tỷ lệ	Số cổ phần cam kết nắm giữ đến 22/03/2010
1	Tập đoàn Bourbon (đại diện bởi Ông Jacques de CHATEAUVIEUX)	97.081.628	68.40%	72.382.000
2	Ông Jacques de CHATEAUVIEUX	10.000	0,01%	10.000
3	Ông Lê Văn Dĩnh	15.900	0,01%	10.000
	Tổng	97.107.528	68,42%	72.402.000

Nguồn: SBT

Kế hoạch chuyển nhượng cổ phần: Theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 17 tháng 04 năm 2007 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh cấp, số cổ phần Tập đoàn Bourbon dự kiến chuyển nhượng lại cho các đối tác bên ngoài là 69.523.800 cổ phần.

Bảng 3: Số cổ phần đã bán bớt của Tập đoàn Bourbon tính đến 31/10/2007

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ ban đầu		Số cổ phần đã bán đến 31/10/2007		Số cổ phần còn nắm giữ tại 31/10/2007	
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Bourbon	141.905.800	99,98%	44.824.172	31,58%	97.081.628	68,40%
	Tổng	141.905.800	99,98%	44.824.172	31,58%	97.081.628	68,40%

Nguồn: SBT**Bảng 4:** Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/10/2007

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổ chức trong nước	32.262.192	22,73%
2	Cá nhân trong nước	9.277.880	6,54%
3	Tổ chức nước ngoài	100.281.628	70,66%
4	Cá nhân nước ngoài	104.100	0,07%
	Tổng	141.925.800	100,00%

Nguồn: SBT

8. Danh sách Công ty mẹ của tổ chức niêm yết:**Bảng 5:** Công ty nắm cổ phần chi phối đối với SBT:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Bourbon	33 Rue Du Louvre 75002 Paris, Cộng Hòa Pháp	97.081.628	68,40%
	Tổng		97.081.628	68,40%

Nguồn: SBT

Mối quan hệ của Tập đoàn Bourbon với Công ty cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh là mối quan hệ Công ty mẹ - Công ty con; Đại diện của Tập đoàn Bourbon tại SBT là Ông **Jacques de CHATEAUVIEUX**, hiện tại là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của SBT. Tập đoàn Bourbon không hoạt động kinh doanh mâu thuẫn về lợi ích với SBT.

Tổ chức niêm yết không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phiếu chi phối đối với Công ty khác.

9. Danh sách Công ty con của tổ chức niêm yết:

Không có

10. Hoạt động kinh doanh:

10.1. Sản lượng sản phẩm:

Sản phẩm chính của SBT là đường tinh luyện (R.E) và phụ phẩm là mật rỉ. Một sản phẩm khác nữa của SBT là điện, được sản xuất từ nguồn nhiên liệu là bã mía được thải ra trong quy trình sản xuất đường.

- Đường tinh luyện (R.E): có thương hiệu là Mimosa sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu, được sử dụng cho mục đích cho tiêu dùng cá nhân và công nghiệp. Đây là sản phẩm chính của Công ty, doanh thu của sản phẩm này chiếm xấp xỉ 90% của Tổng Doanh thu.



Hình 2: Các sản phẩm đường tinh luyện của SBT

- Mật rỉ: là một phụ phẩm của SBT trong quy trình sản xuất đường, được dùng cho các nhà máy sản xuất bột ngọt, cồn... Doanh thu từ sản phẩm này chiếm trung bình 5% đến 6% trên tổng Doanh thu của Công ty.



Hình 3: Phụ phẩm Mật rỉ



Hình 4: Lưới điện của SBT

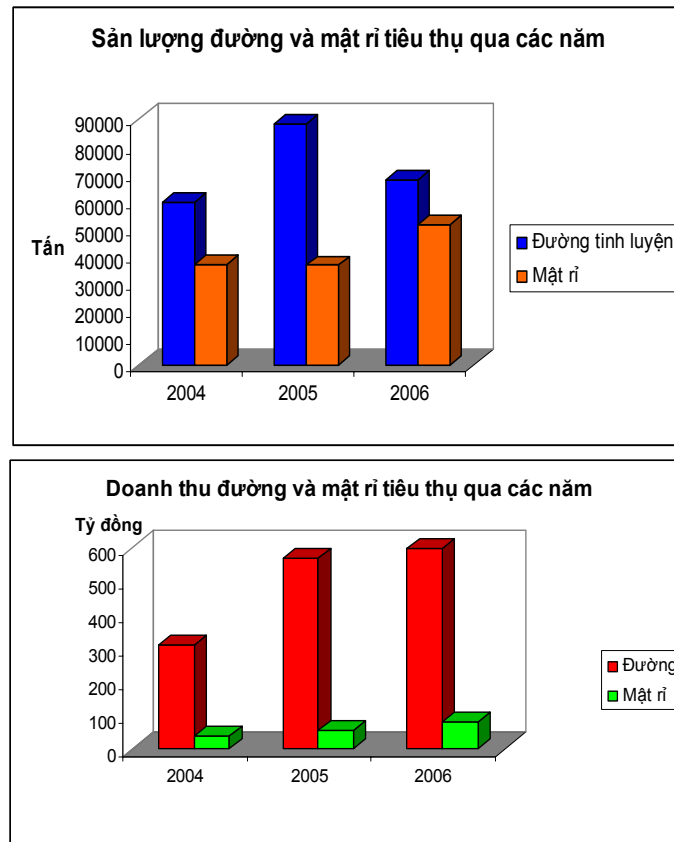
- Điện sản xuất: được tận dụng từ nguồn năng lượng đốt bã mía trong quá trình sản xuất đường. Doanh thu trung bình chiếm từ 4% đến 5% của tổng Doanh thu.

Bảng 6: Doanh thu và sản lượng các sản phẩm của SBT qua các năm

Mặt hàng	Năm 2004		Năm 2005		Năm 2006	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (1.000đ)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (1.000đ)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (1.000đ)
Đường tinh luyện	59.503	303.161.512	88.307	569.143.864	67.703	581.076.320
Mật rỉ	36.909	20.805.912	36.786	38.823.849	51.423	69.930.598
Điện (Mwh)	34.611	22.249.984	27.710	18.169.012	35.896	23.779.637
Khác		2.435.232		3.654.023		5.073.621
Tổng cộng		348.652.640		629.790.748		679.860.176

Nguồn: SBT

Sản lượng của mật rỉ tùy thuộc nhiều vào sản lượng nguyên liệu của mía mà SBT thu mua và đưa vào sản xuất hàng năm. Do vậy, doanh thu của mật rỉ và điện cũng thay đổi theo sản lượng mía đầu vào. Nhìn chung, chịu ảnh hưởng của tình trạng của ngành đường Việt Nam trong những năm trước đây, SBT cũng đã phải đối phó với nhiều khó khăn trong việc thu mua mía nguyên liệu do tình trạng chuyển đổi cây trồng từ mía sang các loại cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn, như cây cao su và cây sắn. Mặc dù sản lượng sản xuất của SBT có xu hướng giảm trong các năm từ 2003 đến 2005 nhưng SBT vẫn duy trì được mức độ tăng trưởng về doanh thu của Công ty (*Tham khảo Hình 5*).

Hình 5: Sản lượng và doanh thu các sản phẩm trong các năm 2004-2006**Nguồn:** SBT

Tổng doanh thu của SBT trong năm 2004 là xấp xỉ 349 tỷ đồng, sang đến năm 2005 tổng doanh thu đạt là 630 tỷ đồng, tăng hơn 80% so với năm trước. Trong năm 2006, tổng doanh thu tăng được khoảng 8% so với năm trước, đạt gần 680 tỷ đồng.

10.2. Nguyên vật liệu:**a. Các nguyên vật liệu chính:**

Các nguyên vật liệu chính của SBT sử dụng bao gồm mía nguyên liệu, đường thô, hóa chất, muối, vôi và bao bì.

Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty:

STT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp
1	Mía nguyên liệu	Các hộ nông dân
2	Đường thô	Công ty Kim Hà, Công ty Thành Thành Công, Công ty cổ phần Đường Biên Hòa
3	Hóa chất	Công ty NAN VIET, Công ty NAM VIỆT, Công ty VEDAN
4	Vôi	Công ty Tam Hải, Công ty Lê Tam
5	Bao bì	Công ty cổ phần Trà Phi, Công ty Thành Thành Công Tiền Giang
6	Muối	Công ty cổ phần Khánh Tường

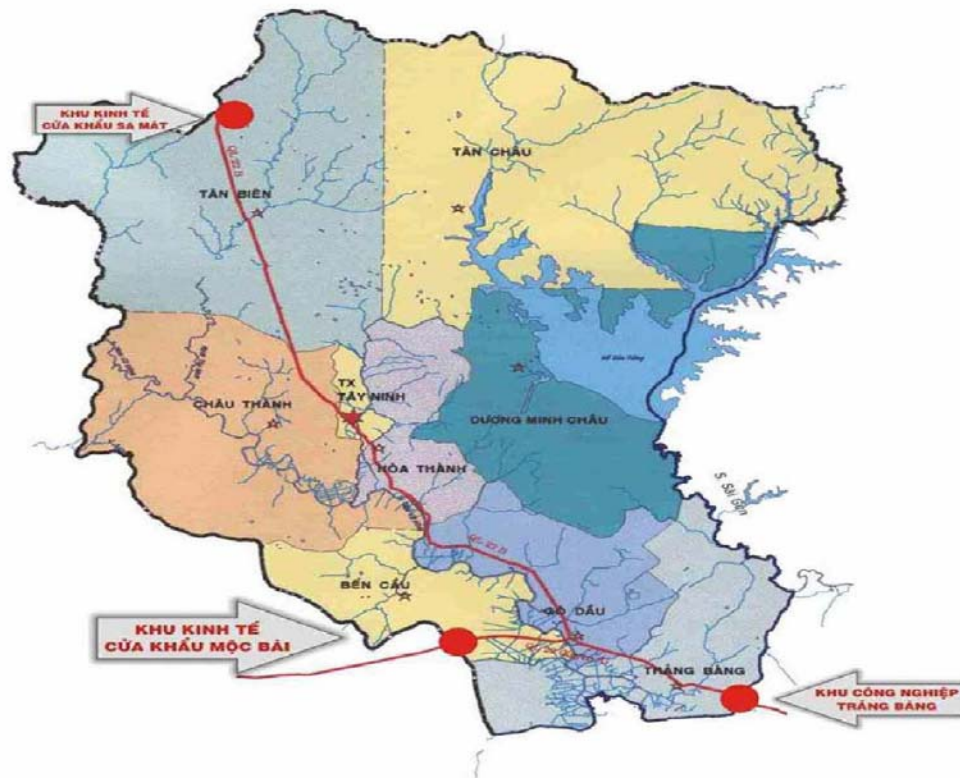
b. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu:

Nguồn nguyên liệu được sử dụng nhiều nhất của SBT là mía nguyên liệu và đường thô. Mặc dù công suất thiết kế của Nhà máy là tiêu thụ khoảng 1,2 triệu tấn mía nguyên liệu/vụ nhưng tính đến nay Nhà máy sản lượng ép cao nhất cũng chỉ đạt 933 ngàn tấn mía trong vụ 2002/2003 tương đương 78% công suất. Do vậy Công ty phải luyện kèm thêm đường thô để khai thác tối đa công suất hoạt động của Nhà máy với lượng đường thô từ 4.000 tấn đến 10.000 tấn/vụ. Ngay từ giai đoạn đầu, Công ty đã xác định là phải tranh thủ và phát triển vùng trồng mía riêng để đảm bảo nguồn mía nguyên liệu cho Nhà máy. Hiện tại, Công ty đã phát triển được diện tích trồng mía phục vụ cho Nhà máy là 16.000 hecta và với sự hỗ trợ của 3.800 nông dân trong khu vực. Chi tiết các khu vực trồng mía của SBT ở Tây Ninh như sau:

- Tân Châu có 1.550 nông dân với diện tích trồng trọt là 5.600 hecta;

- Tân Biên có 1.100 nông dân với diện tích trồng trọt là 4.900 hecta;
- Dương Minh Châu 460 nông dân với diện tích là 2.100 hecta;
- Châu Thành có 520 nông dân với diện tích là 2.760 hecta;
- Bến Cầu có 70 nông dân với diện tích là 400 hecta;
- Trảng Bàng có 30 nông dân với diện tích là 150 hecta;
- Gò Dầu có 30 nông dân với diện tích là 50 hecta.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH TÂY NINH
Administrative Map of Tay Ninh Province



Đối với các vật liệu khác như bao bì, hóa chất, vôi và muối ... Công ty cũng đã tạo dựng được mối quan hệ tốt và lâu dài với các đơn vị cung cấp nguyên liệu. Các Hợp đồng ký kết với các đối tác thường được ký xuyên suốt cho cả vụ sản xuất nên luôn đảm bảo được tính ổn về giá cả cũng như số lượng của nguồn vật liệu.

c. Các biện pháp phát triển và ổn định nguồn nguyên liệu:

Công ty đã nghiên cứu và sử dụng nhiều biện pháp để ổn định và phát triển nguồn nguyên liệu. Công ty hỗ trợ người nông dân trồng mía bằng nhiều hình thức khác nhau như bao gồm về vốn, về giống hoặc phân bón, đất trồng mía. Để tạo điều kiện cho người nông dân canh tác, Công ty cũng đã đầu tư

một số công trình giao thông thủy lợi nội đồng tại các vùng nguyên liệu lớn thuộc các Xã như Tân Hưng, Trà Vong, Tân Phong, Mỏ Công. Đối với những diện tích đất nhỏ lẻ, manh mún nằm trong vùng quy hoạch, Công ty vận động nông dân hợp tác trồng mía hoặc cho những hộ trồng mía mượn tiền thuê lại với giá cao hơn lợi nhuận từ trồng lúa để nông dân chuyển sang trồng mía. Do vậy, tính đến nay nguồn nguyên liệu của Công ty ngày được ổn định hơn và mở rộng ra. Dự kiến, trong mùa vụ 2007/2008, diện tích vùng nguyên liệu của SBT sẽ được mở rộng ra đến 17.000ha.

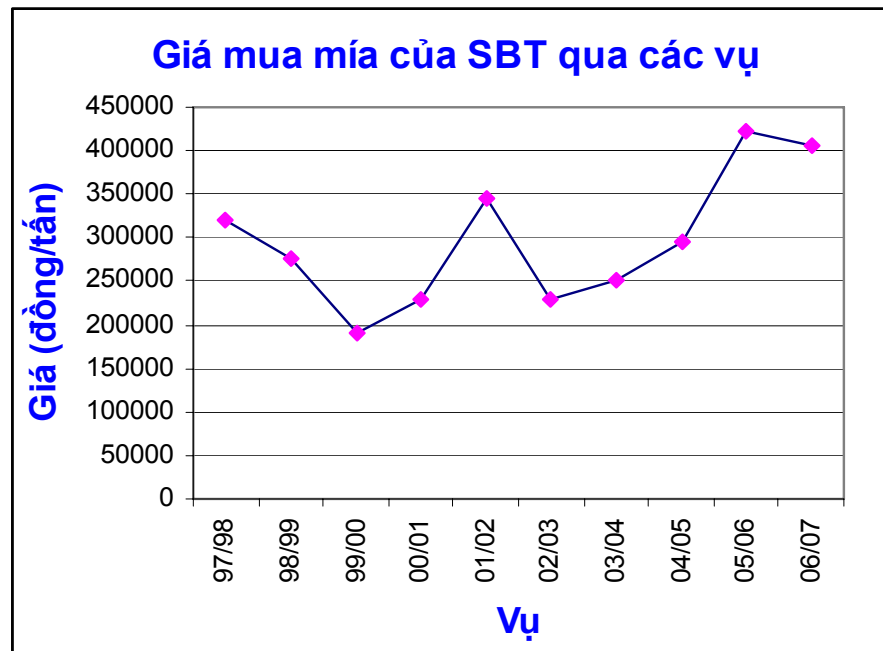
Thêm vào đó, một hướng đi có nhiều tiềm năng phát triển là chuyển mía xuống các vùng đất thấp, nơi cây mía có đủ độ ẩm để phát triển và cho năng suất cao hơn. Hiện tại 90% diện tích mía của SBT là tại các vùng đất thấp.

Công tác khuyến nông luôn là biện pháp đem lại lợi ích thiết thực cho cả nhà máy và nông dân. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp đem lại lợi ích kinh tế cao cho nông dân và tăng thêm sản lượng nguyên liệu cho Nhà máy. Để giảm thiểu rủi ro cho nông dân trong việc trồng mía cũng như cho Công ty khi giá mía xuống thấp, Công ty hỗ trợ người nông dân trồng mía những kỹ thuật trồng trọt và giới thiệu các loại giống mía tốt, phù hợp với thổ nhưỡng ở Tây Ninh. Hiện nay, bằng những nỗ lực của Bộ phận khuyến nông của Công ty, sản lượng trồng mía của các hộ trong khu vực đang dần được cải thiện đưa năng suất từ 45 tấn/hecta đến nay đạt trung bình khoảng 57 tấn/hecta.

d. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận:

Nguyên liệu Mía chiếm tỷ trọng 60% trên tổng chi phí giá thành của đường thành phẩm, do vậy giá mía nguyên liệu có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình lợi nhuận của Công ty. Như có thể thấy từ Biểu đồ dưới, giá mía thay đổi mang tính chu kỳ, cứ ba năm một lần, giá mía tăng đột biến. Điều này có thể giải thích là do các nhà nông dân đã đồn, không trồng mía khi giá mía xuống thấp vì đã không mang lại hiệu quả kinh tế cho họ và chuyển qua những loại cây trồng khác do vậy đã tạo ra sự khan hiếm về mía nguyên liệu.

Xu hướng giá mía tại khu vực Tỉnh Tây Ninh trong những năm 2002-2006 tăng đột biến làm giá thành sản xuất đường của các Nhà máy trong khu vực bị ảnh hưởng đáng kể.



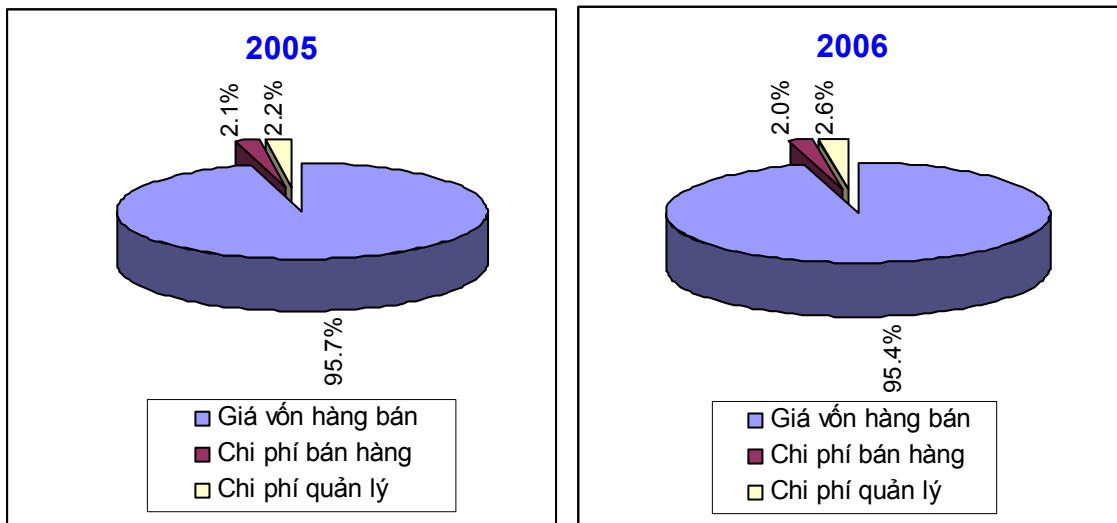
Giá mua mía của Công ty trong mùa vụ 2002/2003 vào khoảng 230.000 đồng/tấn. Mùa vụ 2003/2004, giá mua mía của Công ty khoảng 250.000 đồng/tấn, tương đương với mức tăng là 10,5% so với vụ mùa trước. Mùa vụ 2004/2005, giá mua mía của Công ty là 295.000 đồng/tấn, tăng gần 17% so với mùa vụ 2003/2004. Đặc biệt, mùa vụ 2005/2006, giá mía tăng đến gần 43% so với năm trước, từ 295.000 đồng/tấn lên 422.000 đồng/tấn. Giá mía tăng như vậy đã làm cho giá thành trên đơn vị thành phẩm của Công ty tăng đáng kể, đặc biệt là trong năm 2005 tăng gần 25% so với năm trước đó, trong khi đó giá thành của các nguyên phụ liệu khác không thay đổi nhiều. Mặc dù vậy, trong những năm gần đây, giá mía nguyên liệu có tăng nhưng bù vào đó giá đường trên thế giới và giá đường trong nước cũng tăng mạnh và ở mức cao hơn tốc độ tăng trưởng của giá mía. Nên kết quả là ngành đường Việt Nam bước đầu có những gặt hái tốt đẹp về lợi nhuận sau một thời gian dài điều đứng.

10.3. Chi phí sản xuất:**Bảng 7:** Cơ cấu chi phí trong 3 năm gần nhất:

Đvt: 1.000đ

	Yếu tố chi phí	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	488.682.576	77,6%	483.058.063	71,1%	495.246.873	73,5%
2	Chi phí bán hàng	10.671.010	1,7%	10.066.040	1,5%	14.985.856	2,2%
3	Chi phí quản lý	11.071.542	1,8%	12.888.798	1,9%	14.929.647	2,2%
	Tổng cộng	510.425.129		506.012.901		525.162.376	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 & 2006 và Báo cáo tài chính Quý 4/2007 (chưa kiểm toán) của SBT

Tỷ trọng cơ cấu chi phí trong doanh thu

Chi phí sản xuất của công ty là tương đối cạnh tranh so với các công ty khác trong ngành do công nghệ máy móc thiết bị hiện đại vì vậy hiệu suất trích ly cao. Hơn nữa, Công ty khai thác hiệu quả các sản phẩm phụ và phế phẩm từ sản xuất như tận dụng bã mía để sản xuất điện, dùng bã bunn, tro lò để bón cho mía của công ty hoặc bán cho nông dân, tận dụng nước sau khi sản xuất để tưới mía,...

10.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất:

a. Trình độ công nghệ:

SBT là một Nhà máy đường được xây dựng mới, theo công nghệ của Tập đoàn Bourbon, được trang bị hệ thống kiểm soát và điều khiển tự động hoàn toàn, bắt đầu hoạt động từ năm 1998 sản xuất đường tinh luyện (R.E) trực tiếp từ mía.

Đường tinh luyện của SBT được chế luyện theo phương pháp carbonat hóa giúp hạ chi phí sản xuất và chất lượng cao hơn phương pháp phosphat hóa, không sử dụng bất kỳ một loại hóa chất tẩy trắng nào, đảm bảo tuyệt đối vệ sinh an toàn thực phẩm.



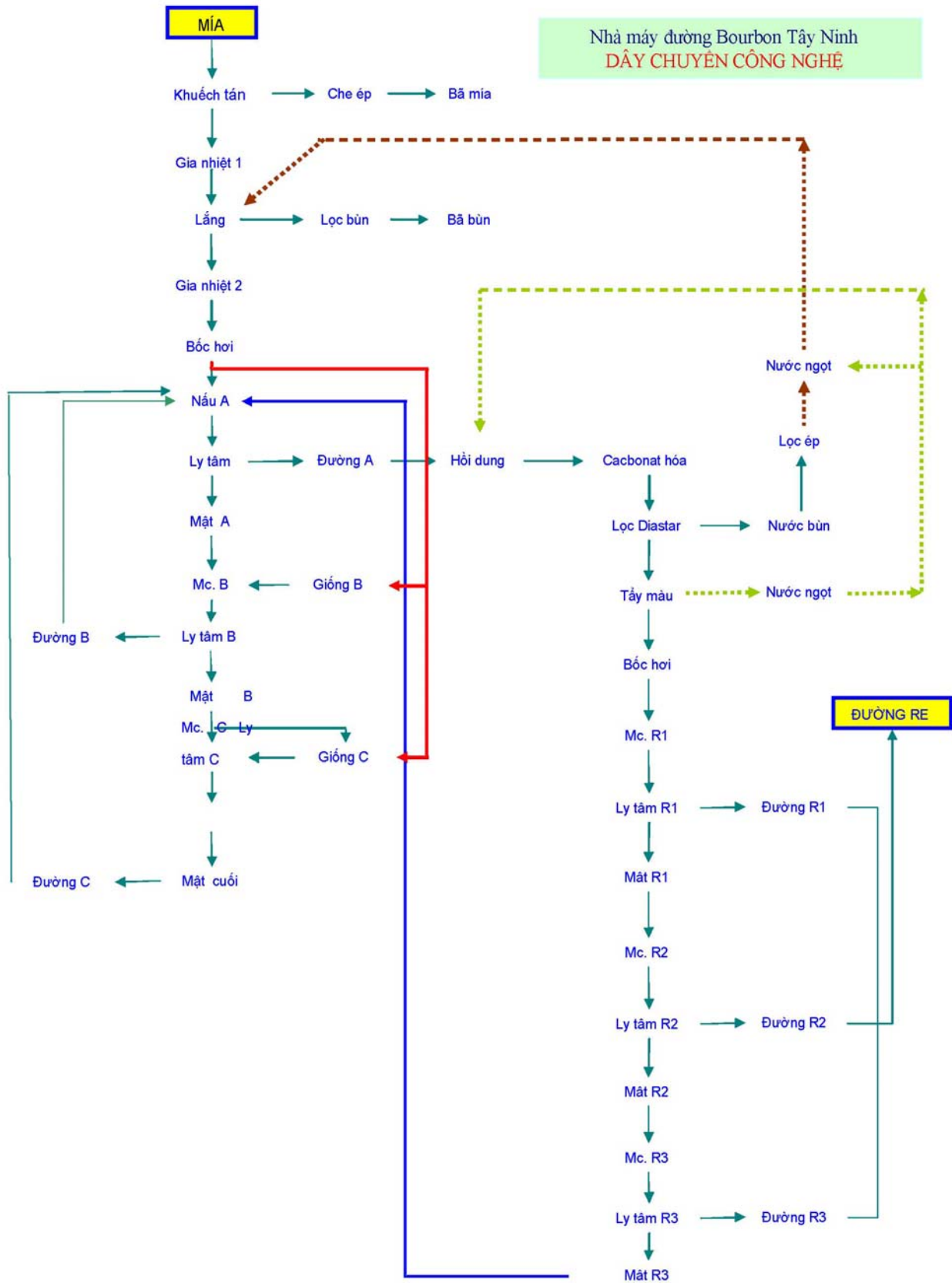
Do có kinh nghiệm 50 năm trong ngành sản xuất đường, ngay từ khi thành lập dự án, tập đoàn Bourbon đã đề xuất và được các bên liên doanh ủng hộ việc trang bị cho SBT các máy móc, thiết bị chọn lọc từ các thiết bị tiên tiến nhất trên thế giới nhằm đảm bảo tối ưu hiệu suất của từng công đoạn. Một số thiết bị chính có thể kể đến như: máy búa đập của Nam Phi, khuếch tán của Bỉ; hệ thống bốc hơi của Thụy Điển; máy ly tâm của Anh; lọc carbonat của Pháp; tẩy màu của Mỹ, hệ thống nồi hơi của Úc, tuabin của Anh và các bộ phận phụ khác của Thái Lan. Vì vậy chi phí mua sắm máy móc thiết bị ban đầu khá lớn so với các nhà máy khác. Đến nay mặc dù các máy móc chính đã khấu hao gần 50% giá trị nhưng giá trị sử dụng hầu như vẫn còn nguyên vẹn. Theo đánh giá của các chuyên gia trong ngành thì các thiết bị chính, giá trị lớn (như lò hơi) có thể sử dụng đến hết đời dự án.

Hệ thống sản xuất của SBT trích ly bằng phương pháp khuếch tán cho phép thu hồi tối đa đường trong bã mía, so với phương pháp che ép thu hồi thêm là 1.5% độ pol. Chỉ với ưu thế này, vụ 06/07 SBT thu hồi thêm gần 5.000 tấn đường từ bã mía.

b. Quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất đường của SBT được chia làm 3 phần cơ bản, bao gồm: trích ly nước chè từ mía, làm sạch và kết tinh đường thô, làm sạch và kết tinh đường luyện. Chi tiết của Quy trình sản xuất đường của SBT có thể được mô tả như sau:

Mía nguyên liệu được vận chuyển từ các trạm mía ở những khu vực nguyên liệu trong Tỉnh Tây Ninh bằng các xe tải tự đổ và không tự đổ với trọng tải xấp xỉ 20 tấn/xe. Mía nguyên liệu được cân và lấy mẫu tự động để trả tiền mía cho nông dân, sau đó đưa đến bàn lật. Hệ thống bàn lật duy nhất ở Việt nam giúp nâng cao công suất tiếp nhận mía. Tại đây, mía cây được băng chuyền đưa vào đánh toí bằng Búa đập tự động.





Hình 7: Một số hình ảnh tập kết mía nguyên liệu của SBT

Sau đó, mía xé tươi được đưa vào máy khuếch tán để trích ly đường. Nhờ máy khuếch tán mà hiệu suất trích ly của SBT đạt gần 98%, cao hơn 3% so với các nhà máy dùng chày ép. Nước mía được tách ra ở giai đoạn này được gọi là nước chày trích. Bã mía sau khi đã trích hết đường được đưa qua ép kiệt, sau đó được sử dụng để làm nhiên liệu cho lò hơi tạo ra năng lượng dưới dạng hơi cao áp. Hơi cao áp làm quay 2 tuabin 2x12 MW cung cấp 9MW điện cho sản xuất và lượng điện còn lại 15 MW bán lên lưới điện quốc gia.



Hình 8: Bể chuyển vận chuyển mía nguyên liệu

Nước chè trích được gia nhiệt và qua máy lắng nhanh SRI, máy lắng nhanh cũng là loại hiện đại nhất Việt Nam, giúp giảm mất đường trong khi lắng. Nước chè lắng trong được lọc một lần nữa và cho vào bồn chứa. Nước bùn được đưa qua lọc bùn để tận thu đường, còn bã lọc được sử dụng làm phân bón mía cho nông dân. Nước chè lắng trong được đưa qua hệ thống bốc hơi bản mỏng Alfa Laval để cô đặc thành si-rô. Hệ thống bốc hơi hiệu suất cao và được thiết kế để chạy liên tục, giúp nhà máy không cần phải dừng ép mía để nấu rửa như các nhà máy khác.



Hình 9: Hệ thống lọc ly tâm của nhà máy

Si-rô tiếp tục được đưa lên kết tinh đường thô. Các nồi nấu đường thô liên tục tự động hoàn toàn giúp giảm chi phí vận hành và nâng cao hiệu suất kết tinh. Phần nấu đường thô đi qua 3 hệ A, B, C. Si-rô sau khi nấu A, qua ly tâm được đường A và mật A. Mật A tiếp tục đi nấu B để tận thu đường, ta được đường B và mật B. Tương tự, từ mật B cho ra đường C và mật rỉ C. Đường A tiếp tục được đưa qua tinh luyện. Đường B và đường C được quay lại khâu nấu A. Mật rỉ là sản phẩm phụ để bán cho các nhà máy lên men cồn và bột ngọt.



Hình 10: Một số bán thành phẩm trong quá trình sản xuất

Đường thô A, sản phẩm trung gian, được đưa qua tinh luyện. Quá trình luyện đường hoàn toàn không dùng hóa chất tẩy trắng. Đầu tiên đường A được hòa tan, sau đó đưa qua carbonat hóa. Khí carbonic dùng cho carbonat hóa được lấy từ khói lò hơi, vừa tiết kiệm chi phí sản xuất, vừa làm giảm hiệu ứng nhà kính ảnh hưởng đến môi trường. Tiếp theo, dịch đường được đưa qua lọc Diastar để loại bỏ tạp chất. Lọc Diastar rất kinh tế ở chỗ nó tự động tính toán, sắp xếp làm sạch và bắt đầu chu kỳ lọc mới. Dịch đường lọc trong được cho qua hệ thống trao đổi ion liên tục ISEP của Mỹ, hệ thống này hấp thụ 70% chất màu, giúp dung dịch đường trở nên trong suốt và sẵn sàng cho quá trình kết tinh đường luyện.

Kết tinh đường luyện cũng được nấu qua 3 hệ bằng hệ thống nồi nấu mẻ tự động hoàn toàn, giúp cho đường thành phẩm luôn đồng nhất. Đường non luyện sau khi nấu được ly tâm tách mật. Đường thành phẩm được tự động đem đi sấy khô và làm nguội song hành bằng trống sấy Rotolouvre. Kế đến được phân loại kích cỡ hạt bằng sàng rung 6 lớp lưới, rồi đi vào hệ thống ổn định đường và đóng bao đường thành phẩm.

Tất cả quá trình luyện đường đều khép kín, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các thông số được kiểm soát và đo lường theo đúng hệ thống quản lý ISO 9001:2000



Hình 11: Một số hình ảnh đầu cuối của dây chuyền sản xuất

Đường thành phẩm sẽ được đóng bao 50kg và đem lưu kho của Nhà máy.

c. Năng lực sản xuất:

- Công suất ép: 8.000 tấn mía nguyên liệu/ngày, tương đương 1.200.000 tấn mía/năm với thời gian hoạt động trung bình là 150 ngày/năm.
- Đường thành phẩm: sản lượng khoảng 100.000 – 120.000 tấn/năm.
- Mật rỉ: sản lượng khoảng 50.000 tấn/năm.
- Điện: sản lượng khoảng 50 Triệu KWH/năm.
- Kho chứa đường: 4 kho với sức chứa là 75.000 tấn.
- Bồn chứa mật rỉ: 4 bồn với tổng sức chứa là 28.000 tấn.



Hình 12: Kho đường



Hình 13: Bồn chứa mật rỉ



Hình 14: Toàn cảnh Nhà máy của SBT

10.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Với sách lược đầu tư đúng đắn ngay từ bước đầu, bằng cách tập trung vào công nghệ sản xuất tiên tiến và quy trình hiện đại, Công ty đã tạo nên những sản phẩm có chất lượng cao để cung cấp cho những khách hàng lớn, có khả năng phục vụ cho những sản phẩm cao cấp trong các ngành thực phẩm và dược phẩm.

Do vậy, đối với việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, Công ty hiện nay chủ yếu tập trung vào nghiên cứu và phát triển những sản phẩm là cây giống, chế độ chăm sóc cây trồng và các thiết bị chuyên dùng phục vụ cho mục đích tưới tiêu phù hợp cho cây mía, nhằm hỗ trợ cho người trồng mía ở Tây Ninh để đảm bảo được lợi ích lâu dài của họ.

Ngay từ khi thành lập, Công ty đã xây dựng trại thực nghiệm mía giống trên tổng diện tích 33.8ha tại xã Thái Bình Huyện Châu Thành, cách nhà máy 40km chuyên nghiên cứu, khảo nghiệm các loại giống mía để chọn lọc ra những giống mía ưu việt, phù hợp với đất đai thổ nhưỡng, khí hậu tại Tây Ninh, trại có 120 loại giống mía khác nhau và đang thử nghiệm 15 loại giống mới.

Sau khi được chọn lọc, mía giống tốt sẽ được chuyển đi nhân giống đại trà tại Trại mía giống Tân Hưng có diện tích khai thác là 160 hecta bao bọc xung quanh nhà máy được trang bị đầy đủ các thiết bị tưới sử dụng nguồn nước của Nhà máy. Hàng năm, tùy theo độ tuổi của mía trên đồng, Trại có thể cung cấp cho các hộ nông dân khoảng 5.000 tấn – 10.000 tấn hom mía, phần còn lại được giao cho nhà máy làm mía nguyên liệu.



Hình 15: Trại thực nghiệm của SBT

10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tổ chức AFAQ cấp ngày 13/11/2003. Các sản phẩm của Công ty còn được người Việt Nam tiêu dùng bầu chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao và tổ chức HALAL cấp chứng chỉ về chất lượng sản phẩm.

Hiện nay, Công ty đang tập trung cho mục tiêu mới là năm 2008 sẽ đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2004 về Hệ thống quản lý môi trường.

Quy trình sản xuất của Công ty luôn tuân thủ theo một chế độ kiểm tra chất lượng ngặt nghèo. Mọi sản phẩm đầu vào đều được đưa qua kiểm định kỹ càng và chia thành nhiều công đoạn trước khi ra thành phẩm. Thí dụ: mía nguyên liệu, sau khi được sơ chế sẽ được lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm định.

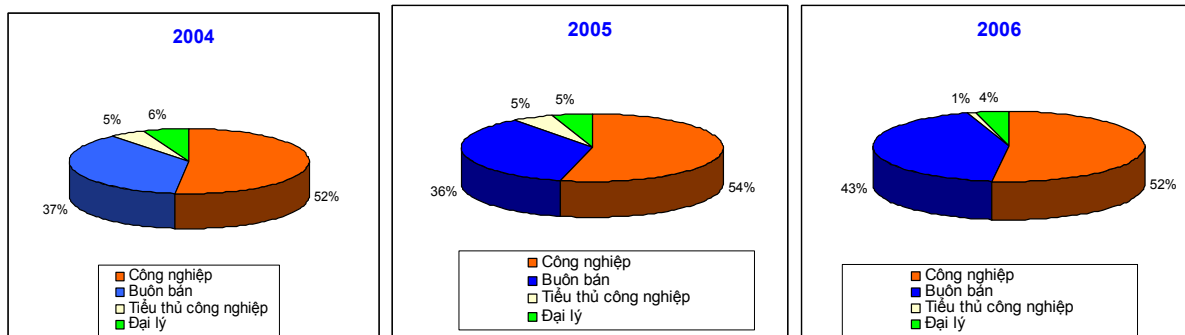
Nếu chất lượng nguyên liệu sau khi đã sơ chế có vấn đề sẽ được báo lại cho bộ phận phụ trách có liên quan để có biện pháp xử lý phù hợp. Nếu chất lượng đạt yêu cầu sẽ tiếp tục chuyển qua công đoạn tiếp theo. Tương tự, các nguyên vật liệu hay phụ gia đều được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Công ty có tất cả 40 điểm để lấy mẫu và kiểm tra chất lượng của mẫu kiểm trước khi ra thành phẩm. Việc giám sát và kiểm tra các thông số của các sản phẩm có thể thực hiện bằng hệ thống vi tính. Các thiết bị máy tính của Công ty có khả năng điều khiển tự động trên 4.000 thông số. Phòng thí nghiệm của Công ty có khả năng phân tích trên 100 thông số. Thành phẩm đường tinh luyện của Công ty chỉ được xuất xưởng khi đáp ứng tối thiểu 16 thông số kiểm tra về định tính như về hình thức, màu sắc, mùi vị, vị ngọt, độ ẩm, độ mịn...



Hình 16: Phòng thí nghiệm

10.7. Hoạt động marketing:

Địa bàn hoạt động SBT chủ yếu tập trung ở khu vực phía Nam và Nam Trung bộ. Công ty không có văn phòng giao dịch và Đại lý ở Miền Bắc. Chính sách bán hàng của SBT chủ yếu là bán sỉ và bán cho các khách hàng công nghiệp. Các sản phẩm của SBT chủ yếu được giao hàng ở ngay tại Nhà máy. Công ty hiện cũng có thuê kho ở thành phố Hồ Chí Minh để tập kết sản phẩm đường bán trên địa bàn lân cận và để gia công đóng gói các sản phẩm đường túi. Văn phòng thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh phụ trách công việc tìm kiếm các khách hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng. Bên cạnh đó cũng làm nhiệm vụ thăm dò thị trường và chăm sóc khách hàng.

Biểu đồ 2: Cơ cấu của các đối tượng khách hàng

- Sản phẩm đường tinh luyện: Mimosas là thương hiệu rất quen thuộc và ưa chuộng đối với người tiêu dùng và các nhà sản xuất trong ngành chế biến thực phẩm, bánh kẹo và nước giải khát chất lượng cao như Công ty nước giải khát Pepsi, Công ty TNHH Red Bull, Nhà máy sản xuất bánh kẹo Perfecty, Công ty cổ phần nước giải khát Sài Gòn (Tribeco), Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty cổ phần thực phẩm Quốc tế (Interfood), Công ty TNHH Acecook Việt nam, Công ty thực phẩm Công nghệ... Bên cạnh đó, một số khách hàng là Đại lý và các nhà bán buôn lớn, tiềm năng của SBT có thể kể đến như Công ty Thành Thành Công, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, Doanh nghiệp tư nhân Phát Thành Đạt, Công ty Kim Hà...
- Mật rỉ: Các khách hàng chính của SBT về sản phẩm này là những Đại lý và các nhà bán buôn ở Thành phố Hồ Chí Minh như Công ty Thành Thành Công, Công ty Kim Hà, Công ty cổ phần Đường Biên Hòa, DNTN Phát Thành Đạt... Đối với sản phẩm này, SBT không vận chuyển lên thành phố mà các nhà tiêu thụ sẽ nhận hàng ở Nhà máy.
- Điện: khách hàng duy nhất là Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN).

Một số khách hàng tiêu biểu của SBT:

10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 47312 do Cục Sở hữu Công nghiệp cấp ngày 10 tháng 6 năm 2003.

**10.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:**

S T T	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Hiệu lực	Sản phẩm	Giá trị
1	Pepsi	Pepsico/SBT/ 2007	31/12/2007	Đường	140 tỷ đồng
2	Vinamilk	SI-5389	31/12/2007	Đường	70 tỷ đồng
3	Redbull	SI-5385	31/12/2007	Đường	37 tỷ đồng
4	Tribeco	6372	31/12/2007	Đường	15 tỷ đồng
5	Cty CP Thành Thành Công	SG6472 và 1/MG6378	28/02/2008	Đường và mật rỉ	14,5 tỷ đồng
6	CN Cty Thực phẩm Miền Bắc	SG6488	31/12/2007	Đường	7,6 tỷ đồng
7	DNTN Phát Thành Đạt	SG6490 và 1/MG6380	28/02/2008	Đường và mật rỉ	14,5 tỷ đồng

11. Phân tích SWOT:

11.1. **Điểm mạnh**

- Hệ thống máy móc trang thiết bị Nhà máy của SBT được lắp đặt mới, sử dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại, có công suất lớn, phù hợp với xu hướng phát triển sắp tới của ngành đường Việt Nam. Mặc dù đã khấu hao gần 50% giá trị nhưng giá trị sử dụng của hệ thống này còn rất tốt, đây là một lợi thế rất lớn về giá thành sản xuất trong tương lai.
- Bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả, theo phong cách Châu Âu. Đội ngũ kỹ sư, công nhân hầu hết là người địa phương có trình độ tay nghề cao, hoàn toàn làm chủ được công nghệ.
- Các cổ đông lớn của SBT đặc biệt là cổ đông sáng lập Tập đoàn Bourbon đều có những thế mạnh và kinh nghiệm lâu năm trong các ngành nghề dịch vụ, công nghiệp, thương mại và tài chính có thể hoạch định cho SBT những bước phát triển về chiều sâu cũng như mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với tiềm năng của SBT và địa phương.
- Vị trí của Nhà máy của SBT đặt ngay trong vùng trung tâm nguyên liệu của Tỉnh Tây Ninh, là khu vực có diện tích trồng trọt lớn và thuận lợi cho việc phát triển cây mía. Do vậy, có lợi thế là giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu đến Nhà máy và giảm được tỷ lệ hao hụt chừa đường của mía do rút ngắn thời gian chuyên chở mía từ nông trường đến Nhà máy.
- Mặc dù với chỉ gần 8 năm trong ngành, SBT cũng đã xây dựng được cho mình một thương hiệu có tên tuổi và uy tín đối với thị trường trong nước, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn trong ngành chế biến thực phẩm, bánh kẹo và nước giải khát. Bên cạnh đó, hệ thống phân phối của Công ty ngày càng thể hiện tính hiệu quả và năng động.
- Hệ thống kho cảng Bến Kéo tọa lạc tại xã Long Thành Nam, Huyện Hòa Thành, tại cửa ngõ thị xã Tây Ninh, bên sông Vàm Cỏ Đông, được xây dựng trên cơ sở Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01/03/1996 giữa Công ty Lâm Sản Tây Ninh và SBT. Hệ thống kho cảng thuộc quyền quản lý và sử dụng của SBT trong thời gian 30 năm (tính từ năm 1996) nằm trong khuôn viên có diện tích 10.800m² gồm cầu cảng dài 40m, diện tích cầu cảng 320m² cho phép

tiếp nhận phương tiện thủy có mớn nước lớn nhất là 3m. Một nhà kho rộng 1.000m², bồn mật rỉ 2.500m³, có trang bị hệ thống cầu để bốc dỡ hàng hóa từ tàu chuyển trực tiếp vào trong kho và ngược lại, ngoài ra còn có hệ thống đường ống bơm mật rỉ chuyển từ bồn đến tàu nhận hàng.

- Trong giai đoạn tới, chi phí giá thành sản phẩm của SBT sẽ mang tính cạnh tranh tốt hơn đối với các Nhà máy sản xuất đường khác do một số các máy móc, thiết bị đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Cơ cấu tỷ lệ khoản vay trên vốn chủ sở hữu của SBT là rất thấp, chỉ khoảng 1,9%, do vậy không chịu áp lực về trả lãi vay ngân hàng như các doanh nghiệp khác trong ngành. Thêm vào đó nguồn tiền tích lũy từ khấu hao tài sản cố định và từ lợi nhuận hàng năm của SBT là rất lớn, thuận lợi cho việc đầu tư vào những dự án mới để tăng thêm lợi nhuận hàng năm của Công ty cũng như giảm thiểu được rủi ro khi chỉ tập trung vào sản xuất một chủng loại sản phẩm.
- Nguồn nguyên liệu của SBT sẽ ngày càng ổn định và phong phú trong thời gian tới sau gần 5 năm nỗ lực triển khai các dự án hỗ trợ cho người nông dân trồng mía trong khu vực.
- Tổ chức nhân sự của SBT tinh gọn, đơn giản, chủ yếu tập trung về việc sản xuất và phát triển vùng nguyên liệu, do vậy cũng giảm thiểu được rủi ro về nhân sự.

11.2. Điểm yếu:

- Công suất nhà máy thiết kế khá lớn so với tình hình nguyên liệu trong những năm gần đây. Do vậy, chưa phát huy hết được công suất sản xuất của nhà máy, làm chi phí giá thành sản phẩm còn tương đối cao khi nhà máy phát huy hết công suất thiết kế.
- SBT hiện tại chỉ tập trung nhiều vào mảng bán sỉ mà bỏ qua khâu bán lẻ. Điều này làm giảm bớt tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của sản phẩm của Công ty.

- Sản phẩm của SBT hiện tại mang tính tập trung vào một loại đường tinh luyện R.E, chưa phát huy hết những cơ hội tiềm năng của các sản phẩm khác liên quan đến cây mía.
- Vốn chủ sở hữu của SBT khá lớn so với quy mô hoạt động hiện tại của Nhà máy, do vậy vẫn chưa phát huy hết được tính hiệu quả của vốn đầu tư của các cổ đông.

11.3. Cơ hội

- Với Quyết định 26/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong việc phê duyệt quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, sẽ quy hoạch phát triển diện tích trồng mía từ nay đến năm 2010 là 300.000 hecta, sản lượng đường trong cả nước lên 1,5 triệu tấn đường/năm và bù đắp phần còn thiếu hụt bằng đường nhập khẩu sẽ tạo thêm điều kiện cho SBT vận hành đủ công suất và cũng có cơ hội để nâng gấp đôi công suất sản xuất của Nhà máy .
- Nhu cầu về đường trong nước cũng như trên thế giới ngày càng gia tăng, do vậy xu hướng về giá đường sẽ mang tính ổn định và tăng trưởng trong tương lai gần cũng là một tín hiệu tốt cho các Doanh nghiệp sản xuất đường trong nước nói chung.
- Mức độ cạnh tranh trong ngành sẽ bớt khốc liệt do một số nhà máy đường hoạt động không hiệu quả sẽ bị đóng cửa do vậy nguồn nguyên liệu sẽ phong phú hơn.
- Với thiết kế ban đầu của Nhà máy với công suất tiêu thụ mía 16.000 tấn/ngày là cơ hội cho SBT trong việc tăng gấp đôi công suất sản xuất của Nhà máy với chi phí cũng như thời gian thấp hơn nhiều so với các Nhà máy đường phải xây mới. Do vậy, sẽ tăng thêm khả năng cạnh tranh của SBT đối với các Doanh nghiệp khác trong ngành cũng như mở rộng thị phần của Công ty.
- Hiện tại, SBT vẫn còn nhiều cơ hội để đầu tư phát triển thêm các sản phẩm mới liên quan đến cây mía như sản xuất ethanol, phân bón hữu cơ, nhà máy nhiệt điện.

- Dân số của tỉnh Tây Ninh đã lên trên 1 triệu người, hệ thống giao thông nội tỉnh, và liên tỉnh đã hoàn chỉnh. Tây Ninh là cửa ngõ thông thương của Việt Nam và Campuchia, cửa khẩu Mộc Bài được biết đến nhiều qua ngoại giao và du lịch, tuy nhiên cửa khẩu Xamát mới chính là con đường huyết mạch kinh tế giữa 2 nước, hiện tại, số thu về thuế nhập khẩu tại Xamát cao gấp 5 lần tại cửa khẩu Mộc Bài. Việc phát triển khu kinh tế quốc tế cửa khẩu Xamát là một cơ hội lớn cho SBT triển khai các dự án mới. Các dự án mà Công ty đã ký bản ghi nhớ đăng ký đầu tư với Tỉnh là những dự án có tính khả thi rất cao, đều thuộc về thế mạnh của cổ đông sáng lập Bourbon và phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương. Tỉnh ủy và UBND Tỉnh Tây Ninh luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty tham gia đầu tư các dự án khác nhằm khai thác tiềm năng của Công ty trên cơ sở đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.
- Việc phát hành cổ phiếu ra công chúng và các nhà trồng mía, các nhà đầu tư chiến lược sẽ là một động lực mạnh mẽ cho SBT vì thông qua thị trường chứng khoán SBT sẽ nhận được nhiều hỗ trợ của các cổ đông mới trong các khâu nguyên liệu, tiêu thụ, tiếp thị và quảng bá thương hiệu của Công ty cũng như được chia sẻ những kinh nghiệm quản lý hiệu quả.

11.4. Thách thức

- Việc gia nhập WTO có xu hướng tăng thêm tính cạnh tranh của đường nội với đường ngoại và với tình hình hiện nay thì giá đường trong nước vẫn cao hơn đường nhập khẩu. Do vậy các doanh nghiệp sản xuất đường trong nước sẽ cần triển khai sớm việc tái cơ cấu nhà máy để giảm thiểu chi phí giá thành sản xuất của thành phẩm.
- Tình hình lao động phổ thông ngày càng khan hiếm do xu hướng của thị trường lao động tập trung vào những thành phố lớn cũng sẽ là áp lực đối với Ban lãnh đạo của Công ty.
- Việc chấp thuận cho gia tăng công suất của các nhà máy đường trong nước trong tương lai cũng là những thách thức không nhỏ đối với các Nhà máy đường hiện nay.

12. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất:**12.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất:**

Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	% tăng/giảm	Năm 2007
Tổng giá trị tài sản	1.380.551	1.519.125	10,04%	1.715.676
Doanh thu thuần	629.791	679.860	7,95%	674.272
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119.066	192.621	61,785	191.028
Lợi nhuận khác	1.895	(96)	-105,09%	293
Lợi nhuận trước thuế	120.961	192.525	59,16%	191.321
Lợi nhuận sau thuế	120.961	192.525	59,16%	191.321
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 & 2006

và báo cáo tài chính Quý 4/2007 (chưa kiểm toán) của SBT

Tính đến ngày 31/12/2006 vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.419.258.412.923 đồng bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1.524.042.639.000 đồng (tương đương 112.189.000 USD) và khoản lỗ lũy kế là 104.784.026.077 đồng. Khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty đã xử lý hết lỗ lũy kế giảm trừ vào vốn chủ sở hữu và đăng ký vốn điều lệ mới là 1.419.258.000.000 đồng, tương đương với 104 triệu USD.

12.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

Trong năm 2005, sản lượng mía nguyên liệu được sử dụng cho sản xuất là thấp nhất trong 4 năm gần đây. Điều này là do trong năm 2005 có nhiều biến động về giá đường và giá mía gây ảnh hưởng trầm trọng đến sản lượng mía nguyên liệu của Tỉnh. Diện tích trồng trọt của cây mía bị thu hẹp lại do sự cạnh

tranh của cây cao su và cây khoai mì. Bên cạnh đó, trong giai đoạn này, khu vực trồng mía vẫn còn tập trung trên các vùng đất cao, bị hạn chế về nguồn nước làm cho năng suất mía và tỷ lệ chữ đường trong mía thấp nên sản lượng đường cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Mặc dù vậy, giá đường bán trong năm 2005 tăng gần 20% so với năm trước nên đã cải thiện nhiều về các chỉ số lợi nhuận của công ty. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 3,5 lần so với năm 2004 và lợi nhuận sau thuế tăng 2,4 lần so với năm 2005.

Trong năm 2006, tình hình nguyên liệu đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn, nguồn nguyên liệu trồng mía đã từng bước được mở rộng, cây sắn và lúa được thay bằng cây mía nhờ giá đường thành phẩm trong năm 2005 tăng cao. Vùng nguyên liệu của SBT đã được mở rộng tới 16.000 ha, con số cao nhất từ trước tới nay. Sự mở rộng này là do sự dịch chuyển vùng trồng mía từ vùng đất cao xuống vùng đất thấp. Diện tích đất cao trồng mía dần được thay thế bằng diện tích đất thấp. Nhờ vậy sản lượng mía nguyên liệu của SBT sử dụng trong năm 2006 tăng 30% so với năm 2005. Do giá đường bình quân trong năm 2006 so với năm 2005 tăng xấp xỉ 33% và chi phí tài chính giảm nhiều nên mặc dù doanh thu thuần chỉ tăng 8% nhưng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 62%, lợi nhuận sau thuế tăng 59% so với năm 2005.

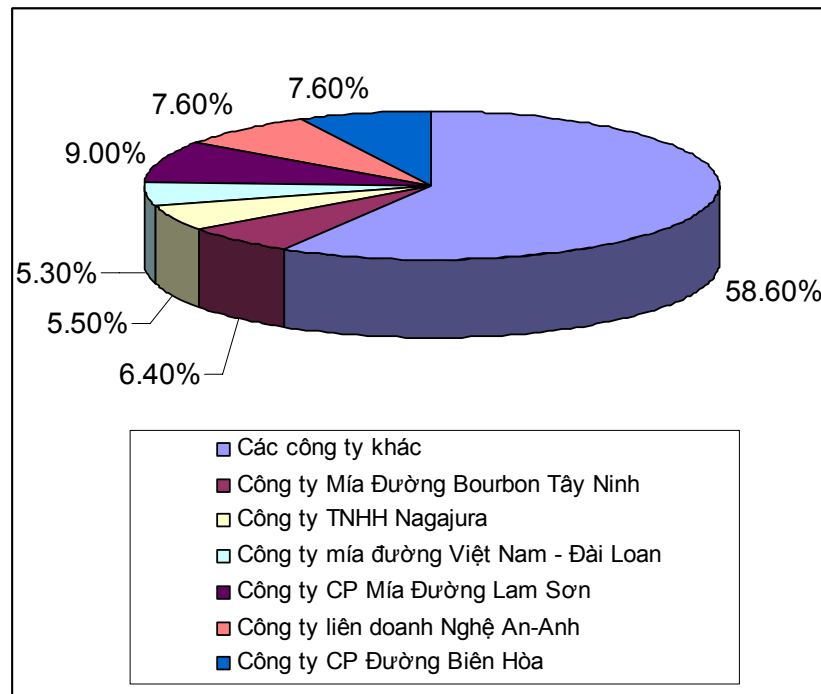
13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

13.1. Vị thế của Công ty

Hiện tại, SBT chỉ sản xuất một loại sản phẩm chính là đường tinh luyện (R.E). Sản phẩm đường này được sử dụng cho tiêu dùng công nghiệp và tiêu dùng cá nhân. Vấn đề sản xuất đường tinh luyện đòi hỏi phải trải qua nhiều công đoạn và cần những máy móc, trang thiết bị với công nghệ đặc biệt để phù hợp với những điều kiện sản xuất nghiêm ngặt. Do đó, cần phải có sự đầu tư bài bản về trang thiết bị và công nghệ sản xuất, nên khả năng cạnh tranh của các Doanh nghiệp khác trong ngành đối với sản phẩm đường tinh luyện của SBT cũng bị giới hạn nhiều. So với tổng số 37 nhà máy sản xuất đường hiện nay trên cả nước, các đối thủ cạnh tranh trong mảng thị trường đường tinh luyện R.E với SBT có thể kể đến là Công ty cổ phần

Đường Biên Hoà, Công ty Đường Lam Sơn, Công ty Đường Nagajura, Công ty Đường KCP. Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Mía đường Việt Nam, thị phần của SBT chiếm khoảng 18% của thị trường đường tinh luyện R.E tại Việt Nam và khoảng 6,4% của với tổng sản lượng đường trong cả nước.

Biểu đồ 3: Thị phần Các Công ty đường trong nước



Tại thành phố Hồ Chí Minh, địa bàn hoạt động chính của SBT, đối thủ trực tiếp của SBT là Công ty cổ phần Đường Biên Hoà. Với lợi thế 43 năm hoạt động, thương hiệu đường Biên Hoà được biết tới nhiều hơn so với thương hiệu đường Mimosa của SBT. Trong khi đó, các sản phẩm của SBT mới được thị trường biết đến từ năm 2000. Mặc dù vậy, sản phẩm của SBT vẫn chiếm được vị thế ổn định trên thị trường do sản phẩm đường R.E của SBT có chất lượng rất cao, phù hợp với đại đa số nhu cầu của các nhà sản xuất bánh kẹo và nước giải khát dành cho một số mặt hàng chiến lược. Bên cạnh đó, giá đường Mimosa của SBT cũng là một lợi thế cạnh tranh so với đường Biên Hoà.

13.2. Triển vọng phát triển của ngành

Đường là một nhu cầu cần thiết trong đời sống hàng ngày của con người. Theo thống kê tại Châu Âu, nhu cầu tiêu thụ đường trên đầu người là 35 kg/năm, Ấn độ là 20 kg/năm, Trung Quốc xấp xỉ 10kg/năm, trong khi đó Việt Nam là 15 kg/năm.

Theo các số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, thì nhu cầu đường trong nước hàng năm vào khoảng 1,3 triệu tấn đến 1,4 triệu tấn đường/năm, trong khi đó tổng sản lượng đường cung cấp của 37 Nhà máy đường trên khắp cả nước chỉ đạt khoảng 970.000 tấn. Do đó, hàng năm Việt Nam phải nhập khẩu trung bình khoảng 300.000 tấn đến 400.000 tấn đường/năm. Như vậy, nhu cầu đối với các sản phẩm của ngành đường Việt Nam rất là to lớn, ngay cả đến năm 2010, theo cam kết của Việt Nam về lộ trình hội nhập AFTA, là thuế nhập khẩu đường chỉ còn 5%. Đối với các nước có sản lượng sản xuất và xuất khẩu đường đứng đầu thế giới như Brazil, Ấn Độ, Úc, Thái Lan...hiện tại đã bước vào giai đoạn thực hiện cắt giảm hỗ trợ xuất khẩu cho ngành đường, do vậy giá đường tinh luyện của các nước này dự báo trong tương lai gần cũng sẽ có nhiều điều chỉnh. Đối với các nước trong khối EU, ngành đường cũng sẽ không còn trợ cấp bằng cách từng bước giảm bỏ trợ giá cho việc trồng củ cải đường. Diện tích trồng củ cải đường ở Châu Âu dự kiến sẽ giảm. Như vậy, ngành đường thế giới sẽ tiến tới có sân chơi chung áp dụng cùng luật chơi, sẽ tồn tại và phát triển theo các qui luật kinh tế.

Thêm vào đó, một số nước như Brazil, Colombia, Mỹ... đang nghiên cứu chương trình năng lượng sạch trong đó sẽ sử dụng nhiên liệu mới là ethanol được sản xuất từ nước mía hoặc mật rỉ. Việc sử dụng nước mía vào sản xuất ethanol để bổ sung nhiên liệu sẽ tiếp tục có tác động lớn đến quan hệ cung - cầu về đường trên thế giới. Do vậy, dự báo giá đường trên thế giới sẽ còn tiếp tục tăng và ngành đường sẽ có nhiều thuận lợi trong tương lai.

13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty Cổ Phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh là phấn đấu trở thành Doanh nghiệp hàng đầu của Ngành đường Việt Nam về chất lượng sản phẩm và sản lượng sản xuất. Để đạt được mục tiêu trên trên, Công ty sẽ chú trọng phát triển về nguồn nguyên liệu, về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, đảm bảo dung hòa lợi ích của người nông dân và Nhà máy. Đây cũng là tinh thần của Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2010 và định hướng phát triển ngành đến năm 2020.

Kế hoạch phát triển của Công ty dự kiến đến năm 2010 là có thể triển khai giai đoạn hai của Nhà máy, đưa công suất sản xuất của Nhà máy với khả năng tiêu thụ 16.000 tấn mía/ngày, đạt sản lượng đường thành phẩm 200.000 tấn/năm. Khi đạt được mức sản lượng này, Công ty sẽ sử dụng một phần để phục vụ cho xuất khẩu, tham gia vào xu hướng chung của Thế giới, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về đường trên Thế giới.

14. Chính sách đối với người lao động:**14.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động**

Tính đến thời điểm 31/12/2006, tổng số lao động của Công ty là 638 người, do hoạt động sản xuất mang tính thời vụ nên tính bình quân số lao động cho cả năm 2006 là 484 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	2004	2005	2006
1	Số lao động bình quân năm	470	454	484
	Số lao động tại thời điểm 31/12	606	630	638
	Trong đó:			
	- Lao động người Việt Nam	599	622	631
	- Lao động người nước ngoài	7	8	7
	- Lao động nam	489	506	499
	- Lao động nữ	117	124	139
2	Trình độ người lao động			
	- Đại học và trên Đại học	106	111	106
	- Cao đẳng và trung cấp	130	145	143
	- Công nhân kỹ thuật	97	132	105
	- Trình độ khác	273	242	284
3	Loại Hợp đồng lao động			
	- HĐLĐ không xác định thời hạn	248	284	294
	- HĐLĐ có thời hạn	106	94	94
	- HĐLĐ thời vụ	252	252	250

Nguồn: SBT

14.2. Chính sách đối với người lao động

Công ty xây dựng và áp dụng các chính sách lao động phù hợp với quy định của Luật lao động Việt Nam và các quy định có liên quan đồng thời có tác dụng khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc và gắn bó lâu dài với Công ty... Bên cạnh đó, thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.

Công ty cũng chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm đều dành ngân sách cho đào tạo theo kế hoạch được các bộ phận xây dựng nhằm đảm bảo nâng cao kiến thức cho người lao động về mọi mặt, tổ chức giao lưu trao đổi kinh nghiệm và học tập ở trong và ngoài nước.

Xây dựng nội quy lao động, ký thỏa ước lao động tập thể với công đoàn, luôn quan tâm đến đời sống tinh thần và có những chính sách thưởng phạt hợp lý cho người lao động.

Đối với việc quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động, Công ty có phòng y tế với 1 bác sĩ và 1 y tá được trang bị xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết cho việc khám chữa bệnh ban đầu. Mua bảo hiểm tai nạn rủi ro 24/24h với mức 10.000USD/người, bảo hiểm nằm viện và phẫu thuật với mức 2.000USD/người/năm.

15. Chính sách cổ tức:

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau :

Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Nếu Công ty có dự án sinh lợi thì theo đề nghị của HĐQT và sự chấp thuận của ĐHĐCĐ thì toàn bộ hay một phần cổ tức dự định chia sẽ được giữ lại để tái đầu tư.

- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.
- Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng hoặc cả năm.

16. Tình hình hoạt động tài chính:**16.1. Các chỉ tiêu cơ bản****a. Trích khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Thời gian tính khấu hao cho các nhóm tài sản của SBT như sau:

Bảng 10: Tỷ lệ trích khấu hao

STT	Loại tài sản	Số năm
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	Từ 10 đến 30 năm
2	Máy móc thiết bị	Từ 6 đến 20 năm
3	Phương tiện vận tải	6 năm
4	Dụng cụ quản lý	Từ 3 đến 5 năm

b. Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11: Thu nhập bình quân của CBCNV

Chỉ tiêu	2004	2005	2006
Thu nhập bình quân (ngàn đồng/người/tháng)	2.550	2.700	3.100

Nguồn: SBT

Đây là mức thu nhập thuộc loại cao so với các Doanh nghiệp trong địa phương và các Doanh nghiệp trong cùng ngành. Thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty trong năm 2006 là 3.100.000 đồng/người/tháng. So với thu nhập bình quân của tỉnh Tây Ninh trong năm 2006 là 1.931.000 đồng/người/tháng thì Công ty có mức chi trả cao hơn 60%. Đây là một trong những nguyên nhân giúp Công ty luôn giữ được người lao động gắn bó lâu dài, cũng như tránh được những thay đổi nhân sự ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005 và 2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ và không có nợ phải trả quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 12: Các loại thuế của Công ty

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006
Thuế GTGT hàng bán nội địa	23.528.240.346	29.540.297.670
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	114.388.019	110.227.469
Thuế TTĐB	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
Thuế xuất nhập khẩu	368.614.661	202.261.505
Các loại thuế khác	206.274.630	2.183.248.674
TỔNG CỘNG	24.217.517.656	32.037.035.318

Nguồn: SBT

e. Trích lập các quỹ theo luật định:

Trong giai đoạn từ năm 2006 trở về trước, Công ty vẫn còn là Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài nên chưa trích lập các Quỹ như hình thức Doanh nghiệp cổ phần.

f. Tổng dư nợ vay:**Bảng 13:** Các khoản vay của Công ty

Đvt: đồng

	Năm 2005	Năm 2006
Vay ngắn hạn		
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam	6.000.000.000	0
Cộng: Vay dài hạn đến hạn trả	2.386.341.867	2.386.341.867
Cộng	8.386.341.867	2.386.341.867
Vay dài hạn		
Vay Công ty Mía đường Tây Ninh	34.601.957.000	32.215.615.133
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(2.386.341.867)	(2.386.341.867)
Cộng	32.215.615.133	29.829.273.133

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 & 2006 của SBTg. Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Bảng 14: Các khoản phải thu của Công ty

Đvt: đồng

STT	Các khoản phải thu	2005	2006	2007
1	Phải thu khách hàng	44.411.567.175	26.099.672.340	52.139.704.646
2	Trả trước cho người bán	2.665.633.146	10.077.143.389	22.346.823.633
3	Phải thu nội bộ	0	200.000.000	0
4	Các khoản phải thu khác	5.663.136.150	4.759.772.264	55.763.801.625
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.392.682.379)	(409.888.296)	(200.233.648)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 & 2006
và báo cáo tài chính Quý 4/2007 (chưa kiểm toán) của SBT

Các khoản phải trả

Bảng 15: Các khoản phải trả của Công ty

STT	Các khoản phải trả	2005	2006	2007
1	Phải trả người bán	46.340.535.473	11.925.187.803	14.158.563.310
2	Người mua trả tiền trước	34.875.072.839	16.407.717.000	14.031.164.080
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.420.807.141	4.473.201.920	2.017.104.878
4	Phải trả công nhân viên	0	2.834.641.020	1.255.276.000
5	Chi phí phải trả	8.007.506.422	18.382.406.902	18.012.641.830
6	Phải trả nội bộ	6.840.684.115	4.174.302.617	5.673.706.445
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	4.520.221.175	4.956.963.747	7.584.312.793
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.086.374.800	0	0

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 & 2006
và báo cáo tài chính Quý 4/2007 (chưa kiểm toán) của SBT

16.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,01	8,65	10,43	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,75	6,33	8,27	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,11	0,07	0,06	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,12	0,07	0,07	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,68	3,16	3,13	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,46	0,45	0,39	
4. Chỉ tiêu về khả năng lợi nhuận				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	19,21%	28,32%	28,37%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,86%	13,57%	11,88%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	8,76%	12,67%	11,15%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	18,91%	28,33%	28,33%	

16.3. Một số điểm lưu ý**a. Hàng tồn kho và các khoản phải thu:**

- Giá trị hàng tồn kho có tỷ trọng cao trong tổng tài sản là do đặc điểm của ngành đường: tập trung sản xuất theo mùa vụ nên lượng tồn kho thành phẩm có biến động rất lớn. Vụ sản xuất tập trung trong vòng 4 đến 5 tháng (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) phải tồn kho để tiêu thụ trong cả thời gian còn lại vì vậy lượng tồn kho thành phẩm thường ở mức cao và chỉ xuống thấp nhất vào thời điểm đầu vụ sản xuất. Ngày kết thúc niên độ 31 tháng 12 hàng năm đang giữa vụ sản xuất nên thường có giá trị tồn kho cao.
- Các khoản phải thu: trong cơ cấu doanh thu của Công ty, khách hàng khối công nghiệp chiếm tỷ trọng khoảng 60%. Với đối tượng khách hàng này được hưởng chính sách trả chậm từ 15 ngày đến 45 ngày, khoản bán điện cho tập đoàn điện lực Việt Nam được trả chậm 1 tháng.

b. Chênh lệch số liệu:

Trong báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006, một số chỉ tiêu đã được sắp xếp lại cho phù hợp, do vậy nên có sự chênh lệch số liệu giữa cuối năm 2005 và đầu năm 2006. Cụ thể như sau:

Mã số	Cuối năm 2005	Đầu năm 2006	Chênh lệch	Lý do
131	44.151.019.175	44.411.567.175	260.548.000	Điều chỉnh từ 133 sang 131
133	260.548.000	0	(260.548.000)	Điều chỉnh từ 133 sang 131
138	8.275.379.905	5.663.136.150	(2.612.243.755)	Điều chỉnh từ 138 sang 158
130	49.959.897.847	47.347.654.092	(2.612.243.755)	Do thay đổi 131 sang 158
158	0	2.612.243.755	2.612.243.755	Điều chỉnh từ 138 sang 158
150	525.947.155	3.138.190.910	2.612.243.755	Do 158 thay đổi
316	14.218.495.232	8.007.506.422	(6.210.988.810)	Điều chỉnh từ 316 sang 320 và 336
320	0	2.086.374.800	2.086.374.800	Điều chỉnh từ 316 sang 320
310	121.602.157.842	117.477.543.832	(4.214.614.010)	Do 316 và 320 thay đổi
336	0	4.124.614.010	4.214.614.010	Điều chỉnh từ 316 sang 336
330	32.215.615.133	36.340.229.143	4.214.614.010	Do 336 thay đổi

- Điều chỉnh 260.548.000 đồng từ mã 133 “phải thu nội bộ” sang mã 131 “phải thu khách hàng” là số nợ thu bán đường cho các đơn vị trong cùng tập đoàn (xem mục (a) trang 14 báo cáo tài chính năm 2006)
- Điều chỉnh 2.612.243.755 đồng từ mã 135 “các khoản phải thu khác” sang mã 158 “tài sản ngắn hạn khác” gồm 244.805.054 đồng tạm ứng nhân viên và 2.367.438.701 ký quỹ ngắn hạn.
- Điều chỉnh 2.086.374.800 đồng từ mã 316 “chi phí phải trả” sang mã 320 “Dự phòng phải trả ngắn hạn” là khoản dự phòng thu kiện nông dân.
- Điều chỉnh 4.124.614.010 đồng từ mã 316 “chi phí phải trả” sang mã 336 “dự phòng trợ cấp mất việc làm” là khoản dự phòng trợ cấp mất việc.

17. Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát:

17.1. Các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Jacques de CHATEAUVIEUX (cá nhân và Đại diện Tập đoàn Bourbon)	Chủ tịch HĐQT	97.091.628	68,41%
2	Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch HĐQT	15.900	0,01%
3	Philippe LOMBARD	Thành viên	27.500	0,02%
4	Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	0	0,00%
5	Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	30.350	0,02%

1. Ông Jacques de CHATEAUVIEUX***Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Mía đường Bourbon***

Số cổ phần nắm giữ: 97.091.628 cổ phần, chiếm 68,41% của tổng vốn điều lệ; trong đó: đại diện cho Tập đoàn Bourbon là: 97.081.628 cổ phần và cá nhân sở hữu là: 10.000 cổ phần.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 13/02/1951

Số ID 03EB16094, ngày cấp 06/01/2004, nơi cấp: Tổng nha cảnh sát Pháp

Nơi sinh: Saint- Denis – Réunion – Pháp

Quốc tịch: Pháp

Địa chỉ thường trú: 84 Rue Jean de la Fontaine – 75016 – Paris – Pháp

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1975 - 1976: Làm việc tại Nghiệp đoàn Vận tải hàng không Paris
- Từ 1977 - 1978: Tư vấn cho tập đoàn Tư vấn Boston –Paris
- Từ 1979 – 3/2007: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bourbon
- Từ 3/2007 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bourbon, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

2. Ông Lê Văn Dĩnh***Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 15.900 cổ phần, chiếm 0,01% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/05/1937

Số CMND 020100432, ngày cấp: 16/03/1995, nơi cấp: CA.TPHCM

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 42/14 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ

Quá trình công tác:

- Từ 1960 - 1974: Làm việc tại Công ty đường Việt Nam
- Từ 1975 - 1979: Giám đốc Công ty đường Biên Hòa
- Từ 1980 -1985: Trợ lý Tổng giám đốc Vinasugar II
- Từ 1994 – 1996: Giám đốc Công ty ECOTECH
- Từ 2000 – 3/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 3/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan:

Trà Thị Bích (vợ): số cổ phần nắm giữ: 100.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

3. Ông Philippe LOMBARD***Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 27.500 cổ phần, chiếm 0.02% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/07/1948

Số passport 01AE69521, ngày cấp: 04/10/2004, nơi cấp: Lãnh sự quán Pháp tại TP HCM

Nơi sinh: Provins, Pháp

Quốc tịch: Pháp

Địa chỉ thường trú: 12, Rue de Commandant Geneau, 77160 Provins, Pháp

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư sản xuất

Quá trình công tác:

- Từ 1972 - 1973: Làm việc tại nhà máy Sosa Texcoco Mêhicô

- Từ 1974 - 1975: Làm việc tại hãng sản xuất Sữa - Pháp.

- Từ 1975 - 1981: Làm việc tại FCB - Pháp, tham gia khởi động các dự án sản xuất đường tại Maroc, Vêñêxuêla.

- Từ 1981 - 1986: Phó giám đốc kỹ thuật, sau đó là giám đốc kỹ thuật của nhà máy đường Gardel-Pháp

- Từ 1986 – 1992: làm việc tại Beghin Say – Pháp chức vụ Giám đốc kỹ thuật nhà máy đường Carora Vêñêxuêla, sau đó là kỹ sư phòng nghiên cứu tại Thumeries

- Từ 1992 – 1997: Phụ trách kinh doanh đường khu vực Châu Á của FCB – Pháp

- Từ 1997 – 2002: Giám đốc nhà máy Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh

- Từ 2002 – 2003: Quyền Tổng Giám đốc Công ty TNHH mía đường Bourbon TN

- Từ 2003 – 3/2007: Tổng giám đốc Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh

- Từ 3/2007 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

4. Bà Võ Thị Huyền Lan***Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 16/10/1971

Số CMND 024334410, ngày cấp: 23/12/2004, nơi cấp: CA.TPHCM

Nơi sinh: Tiền Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 285/192 Cách Mạng Tháng 8, P 12, Q 10, Tp.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị Kinh doanh (Pháp), Thạc sĩ tài chính (Pháp)

Quá trình công tác:

- Từ 1996-1998: Kế toán trưởng công ty Prezioso (Pháp)
- Từ 1998-2002: Kế toán trưởng công ty Espace Bourbon An Lạc (BigC)
- Từ 2002-2006: Phó Tổng Giám Đốc – Giám Đốc tài chính công ty Espace Bourbon An Lạc (BigC)
- Từ 2006- 3/2007: Tổng Giám Đốc Quỹ Đầu Tư Jaccar /Jaccar Holding tại Việt Nam
- Từ 3/2007 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh; Tổng Giám Đốc Quỹ Đầu Tư Jaccar Jaccar Holding tại Việt Nam

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

5. Bà Phạm Thị Thu Hương***Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 30.350 cổ phần, chiếm 0.02% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 21/01/1969

Số CMND 270870049, ngày cấp: 05/07/2004, nơi cấp: CA.Đồng Nai

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 9/11E Khu phố 2, Trảng Dài, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Ngân hàng

Quá trình công tác:

- Từ 10/1990 -5/1992: Làm việc tại Ngân Hàng Nhà Nước tỉnh Đồng Nai
- Từ 6/1992 – 6/1996: Làm việc tại Cục Thuế Tỉnh Tây Ninh
- Từ 7/1996 - 2000: Kế toán Tổng hợp Công ty TNHH mía đường Bourbon TN
- Từ 2001 – 5/2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH Mía đường Bourbon TN
- Từ 5/2005 – 3/2007: Phó Tổng Giám đốc Hành chánh, Kế toán trưởng Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 3/2007 – 9/2007: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Hành chánh kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 9/2007 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính hành chánh Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan:

Nguyễn Hữu Nghĩa (chồng): số cổ phần nắm giữ: 4.280.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: 1.060.300.000 đồng (nợ trong hạn–vay mua đất trồng mía)

Lợi ích liên quan đối với công ty: cung cấp mía với sản lượng trung bình là 2.000 tấn/vụ tương đương 0,25% tổng sản lượng mua vào của công ty trong 1 vụ.

17.2. Các thành viên Ban kiểm soát: gồm 3 người

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Khổng Văn Minh	Trưởng ban kiểm soát	0	0%
2	Đỗ Trọng Hiệp	Thành viên	0	0%
3	Võ Văn Hai	Thành viên	0	0%

1. Ông Khổng Văn Minh***Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/03/1971

Số CMND 024177377, ngày cấp: 15/08/2005, nơi cấp: CA.TPHCM

Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Cao Phong, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ thường trú: 40 Lê Công Kiều, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 5/1993 -5/1996: Kế toán tổng hợp của Công ty TNHH cơ khí và dịch vụ tàu biển Vũng Tàu
- Từ 6/1996 – 4/2001: Chuyên viên phòng tổng hợp-Kế hoạch-Nguồn vốn, Trưởng bộ phận kinh doanh tiền tệ và ngoại hối, Phó phòng kế hoạch nguồn vốn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Chi nhánh Tp.HCM.
- Từ 5/2001 – 8/2002: Giám đốc đầu tư của Công ty cổ phần Công nghệ thông tin EIS
- Từ 5/2003 -4/2006: Chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp của Công ty TNHH MANULIFE Việt Nam
- Từ 5/2006 – 3/2007: Giám đốc đầu tư Văn phòng đại diện Jaccar

- Từ 3/2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh, Giám đốc đầu tư Văn phòng đại diện Jaccar.

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

2. Ông Đỗ Trọng Hiệp

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Mía đường Bourbon

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 13/02/1976

Số CMND L6031095, ngày cấp: 28/10/1997, nơi cấp: Brisbane – Úc

Nơi sinh: Sài Gòn

Quốc tịch: Úc

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Sài Gòn

Địa chỉ thường trú: 33/72B Nguyễn Văn Cừ, F1, Q5, TP HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính và Đầu tư

Quá trình công tác:

- Từ 2002 - 2006: Chuyên viên tư vấn tài chính Doanh nghiệp của công ty PricewaterhouseCooper
- Từ 2006 – 3/2007: Giám đốc đầu tư Văn phòng đại diện Jaccar
- Từ 3/2007 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh, Giám đốc đầu tư Văn phòng đại diện Jaccar

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

3. Ông Võ Văn Hai

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Mía đường Bourbon

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/02/1961

Số CMND 290013978, ngày cấp: 26/12/1995, nơi cấp: CA.Tây Ninh

Nơi sinh: Tây Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây Ninh

Địa chỉ thường trú: Khu phố 5, Phường 1, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 3/1988 – 5/1993: Kế toán trưởng XN kho vận – Công ty XNK Tây Ninh
- Từ 5/1993 – 10/1995: Kế toán trưởng Trung tâm Giống Mía, Công ty TNHH Mía Đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 10/1995 – 4/2002: Kế toán nông nghiệp, Công ty TNHH Mía Đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 4/2002 – 3/2007: Phụ trách kho đường Công ty TNHH Mía Đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 3/2007 – 9/2007: Phụ trách kho đường Cty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 9/2007 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh, cán bộ Phụ trách kho đường Công ty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan:

Võ Văn Khanh (em): số cổ phần nắm giữ: 10.800.

Võ Văn Khang (em): số cổ phần nắm giữ: 10.260.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

17.3. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc: 4 người

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Philippe LOMBARD	Tổng Giám Đốc	27.500	0,02%
2	Phạm Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám Đốc	30.350	0,02%
3	Daniel LARRIBE	Phó Tổng Giám Đốc	29.000	0,02%
4	Eric LELEU	Phó Tổng Giám Đốc	20.000	0,01%

1. Ông Philippe LOMBARD***Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Chi tiết xem phần Các thành viên Hội đồng quản trị

2. Ông Daniel LARRIBE***Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 29.000 cổ phần, chiếm 0,02% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 29/08/1950

Số ID 01RE74843, ngày cấp: 06/05/2003, nơi cấp: Cộng hòa Pháp

Nơi sinh: Girac 46130 – Bretenous – Pháp

Quốc tịch: Pháp

Địa chỉ thường trú: AL BOS Girac 4613 – Bretenoux - Pháp

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật

Quá trình công tác:

- Từ 1969 - 1970: Làm việc cho xưởng cơ khí nông nghiệp Magne Bessieres

- Từ 1971 - 1972: Trưởng bộ phận bảo trì trại thực nghiệm Marie-Galant

- Từ 1973 - 1977: Phụ trách bảo trì Công ty kinh doanh đường Marie-Galant

- Từ 1978 - 1985: Bảo trì nhà máy sản xuất và đóng gói đường Fives Cail Babcock

- Từ 1986 – 1995: Phụ trách bảo trì nhà máy đường Réunion

- Từ 1996 - 1997: Phó giám đốc kỹ thuật nhà máy đường Gardel

- Từ 1997 – 2002: Phụ trách bảo trì nhà máy thuộc Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 2002 – 5/2005: Giám đốc Nhà máy đường của Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 5/2005 – 3/2007: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật, Giám đốc Nhà máy đường của Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 3/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật, Giám đốc Nhà máy đường của Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

3. Ông Eric LELEU***Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần, chiếm 0,01% của tổng vốn điều lệ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/02/1961

Số ID 04AE34206, ngày cấp: 28/07/2004, nơi cấp: Cộng hòa Pháp

Nơi sinh: Tourcoing – Pháp

Quốc tịch: Pháp

Địa chỉ thường trú: Les Citadines Euralille–Avenue Willy Brant 59777 – Lille –Pháp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1984 - 1992: Phụ trách bán hàng tại Benelux Paris - Pháp
- Từ 1993 - 1995: Giám đốc thương mại công ty Nazaire Pháp
- Từ 1996 - 1998: Trưởng bộ phận sản phẩm của chi nhánh Nazaire tại TPHCM
- Từ 1999 -2000: Giám đốc thương mại nhà máy Staden Bỉ
- Từ 2000 – 5/2005: Giám đốc thương mại Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 5/2005 – 3/3007: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc thương mại Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 3/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc thương mại Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

4. Bà Phạm Thị Thu Hương***Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh***

Chi tiết xem phần các thành viên HĐQT

17.4. Kế toán trưởng:**1. Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên****Kế toán trưởng Công ty cổ phần Mía Đường Bourbon Tây ninh**

Số cổ phần nắm giữ: 15.510 cổ phần, chiếm 0,01% của tổng vốn điều lệ
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 20/01/1973
Số CMND: 290489576, ngày cấp: 30/08/2005, nơi cấp: CA.Tây Ninh
Nơi sinh: Tây Ninh
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: E1/10 ấp Long Thời, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ 1995 - 1996: Kế toán Công ty công nghệ điện hóa ELECHEM
- Từ 1996 – 11/2000: Nhân viên kế toán Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây ninh
- Từ 11/2000 – 03/2007: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 03/2007 – 09/2007: Kế toán tổng hợp Công ty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh
- Từ 09/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Mía đường Bourbon Tây Ninh

Những người có liên quan:

Nguyễn Thị Mỹ Tiên (em): số cổ phần nắm giữ: 15.940.

Nguyễn Văn Nhân (anh): số cổ phần nắm giữ: 510.

Nguyễn Trung Hiếu (anh): số cổ phần nắm giữ: 370.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: 240.000.000 đồng (Nợ trong hạn – vay mua đất trồng mía)

Lợi ích liên quan đối với công ty: cung cấp mía với sản lượng trung bình là 620 tấn/vụ tương đương 0,078% tổng sản lượng mua vào của công ty trong 1 vụ.

18. Tài sản:**Bảng 16: Tài sản cố định**

Đvt: 1.000 đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định	1.526.048.691	885.24.816
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	269.103.280	190.615.841
2	Máy móc và thiết bị	1.180.236.709	671.270.843
3	Phương tiện vận tải	11.368.182	2.245.324
4	Dụng cụ quản lý	6.689.232	1.002.591
5	Tài sản cố định khác	58.651.288	20.111.217
II	TSCĐ vô hình	5.689.009	3.966.378
1	Chi phí giải tỏa đất	3.199.528	2.579.448
2	Phần mềm máy tính	2.489.481	1.386.930
	Tổng cộng	1.531.737.700	889.212.194

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006 của SBT

SBT hiện quản lý sử dụng các lô đất theo các Hợp đồng thuê đất như sau:

a. Hợp đồng số 04/06/HĐ-TĐ ngày 09/06/2003:

- Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích: 320.000 m².
- Thời hạn thuê: 22/5/2000 – 15/07/2045.
- Giá thuê: 289,6 USD/ha/năm (SBT đã trả toàn bộ tiền thời hạn thuê).
- Hiện trạng: Xây dựng văn phòng chính và Nhà máy sản xuất đường.

b. Hợp đồng số 05/06/HĐ-TĐ ngày 09/06/2003:

- Địa chỉ: Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích: 338.000 m².
- Thời hạn thuê: 22/5/2000 – 15/07/2045.
- Giá thuê: 150 USD/ha/năm (SBT đã trả toàn bộ tiền thời hạn thuê).

- Hiện trạng: Xây dựng trại thực nghiệm mía.

c. Hợp đồng số 06/06/HĐ-TĐ ngày 09/06/2003:

- Địa chỉ: Huyện Tân Châu và Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh
- Diện tích: 8.798 m².
- Thời hạn thuê: 21/11/1997 – 15/07/2045.
- Giá thuê: 300 USD/ha/năm (SBT đã trả toàn bộ tiền thời hạn thuê).
- Hiện trạng: Xây dựng 6 trạm nông vụ.

d. Hợp đồng hợp tác số 24/HĐ-KT ngày 10/06/1996

- Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích: 1.770.000 m².
- Thời hạn thuê: đến 15/07/2045.
- Giá thuê: 6T mía/ha.
- Hiện trạng: Xây dựng Trại mía giống Tân Hưng.

e. Hợp đồng hợp tác số 07/HĐ-KT ngày 1/3/1996

- Địa chỉ: Long Thành Nam, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích: 10.800 m².
- Thời hạn thuê: đến hết ngày 31/12/2025.
- Đã trả toàn bộ chi phí thuê.
- Hiện trạng: Nhà kho, cầu cảng.

f. Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Lầu 10, Etown 2, 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Diện tích: 147 m².
- Giá thuê: 13 USD/m²/tháng (trả tiền thuê hàng Quý).
- Thời hạn thuê: đến hết ngày 31/05/2010.
- Hiện trạng: Văn phòng đại diện và thương mại của SBT.

19. Kế hoạch đầu tư:

Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu đã và đang là mục tiêu hàng đầu của Công ty vì đây là tiền đề để thực hiện được các kế hoạch khác. Bên cạnh đó, với mục tiêu phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới là nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, duy trì mức tăng trưởng cao, khai thác mọi tiềm năng có sẵn để đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất, SBT đang có kế hoạch xây dựng một số dự án đầu tư khác.

19.1. Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu:

a/ Chính sách chung

- Duy trì các chính sách chung như bảo hiểm chữ đường, bảo hiểm giá mua mía, ký hợp đồng nhiều vụ với nông dân... để người dân yên tâm sản xuất.
- Hỗ trợ bằng phân bón, hom giống hoặc tiền mặt không hoàn lại cho các diện tích trồng mía tơ.
- Phối hợp với chính quyền địa phương tại các xã, huyện để cùng đầu tư các công trình hạ tầng, hệ thống tưới tiêu cho vùng nguyên liệu.
- Tổ chức điều phối công thu hoạch và xe vận chuyển cho những nông dân không có điều kiện tự tổ chức thu hoạch, vận chuyển.
- Nghiên cứu, khuyến khích sử dụng cơ giới hóa trong việc chăm sóc và thu hoạch mía. Hiện công ty đang thử nghiệm 1 số thiết bị cơ giới và cho nông dân mượn để kiểm chứng hiệu quả, bước đầu có những kết quả đáng khích lệ. Chi phí này từ nguồn tài trợ của Quỹ Ford (Mỹ) với tổng số tiền là 63.000USD, chuyên sử dụng cho mục đích thực hiện công tác nghiên cứu nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông dân.

b/ Mở rộng thêm diện tích của vùng nguyên liệu:

- Công ty sẽ tiếp tục đầu tư cho nông dân mua đất và thuê đất để khai hoang, tạo điều kiện và khuyến khích nông dân chuyển đổi cây trồng sang cây mía.
- Thiết lập cơ sở hạ tầng phù hợp với việc trồng mía để người dân có thể chuyển đổi sang cây mía. Hiện tại, chính quyền Tỉnh Tây Ninh cũng rất chú trọng khuyến khích nông dân trồng mía và đang thực hiện chính sách hỗ trợ cho nông dân trồng mía vụ tơ với mức 385.000đ/ha.

c/ Nâng cao năng suất, chữ đường:

- Tăng cường cán bộ khuyến nông tại các trạm nông vụ của SBT, có nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật cũng như tư vấn cho nông dân về giống, phân, chế độ nước...phù hợp với từng vùng đất.
- Cho nông dân mượn tiền để lắp đặt thiết bị tưới, khuyến khích sử dụng nguồn điện để giảm chi phí tưới. Theo thống kê, năng suất mía tăng thêm khoảng 40% nếu được tưới đủ nước trong mùa khô.

Tổng vốn dự kiến đầu tư không hoàn lại cho các khoản mục này là 10 tỷ đồng/năm.

19.2. Các dự án đang triển khai

Ngày 02 tháng 08 năm 2007, UBND tỉnh Tây Ninh và Công ty cổ phần Mía Đường Bourbon Tây Ninh đã ký bản ghi nhớ về việc thực hiện các dự án đầu tư giữa UBND tỉnh Tây Ninh và Công ty trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Dự án hạ tầng Cụm Công nghiệp Bến Kéo, quy mô khoảng 138ha, tại Bến Kéo – xã Long Thành nam – huyện Hòa Thành.
- Dự án hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Phú, quy mô khoảng 200ha, tại xã Tân Phú – huyện Tân Châu.
- Dự án Nhà máy nhiệt điện: Nhà máy nhiệt điện đốt đồng hành bằng bã mía và than đá trên cơ sở mở rộng công suất chế biến của nhà máy đường hiện có, hoặc xây dựng mới một nhà máy nhiệt điện đốt bằng than đá và than bùn bên cạnh sông Vàm Cỏ.
- Dự án Trung tâm Thương mại – Dịch vụ Tây Ninh, quy mô $14.682 m^2$.

Vốn đầu tư: Các dự án có thể thực hiện 100% bằng vốn tự có hoặc vốn huy động thông qua hình thức liên doanh, hợp tác với các đối tác khác.

Thời gian hoạt động: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Tập đoàn Bourbon, cổ đông chiếm đa số vốn điều lệ của SBT, là một nhà đầu tư lớn trên thế giới trong các lĩnh vực bất động sản, đại siêu thị và trước đây đã được người tiêu dùng Việt Nam biết đến qua thương hiệu Cora. Với sự trợ giúp của tập đoàn Bourbon thì việc SBT đăng ký đầu tư vào lĩnh vực xây dựng

và kinh doanh Trung tâm thương mại phức hợp tại Thị xã Tây Ninh là một quyết định đúng đắn và khả thi.

Dự án khu công nghiệp An Hòa

Ngày 30 tháng 11 năm 2007, UBND tỉnh Tây ninh đã ban hành công văn số 3222/UBND-KTTH về việc đồng ý để SBT đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp An Hòa, thuộc xã An Hòa, huyện Trảng Bàng có diện tích trên 1.000ha gần quốc lộ 22, cách huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 12km về phía Tây, bên sông Vàm Cỏ Đông. Khu công nghiệp An Hòa có địa thế rất thuận lợi do nằm trên trục đường xuyên Á nối Thành phố Hồ Chí Minh với cửa khẩu kinh tế Mộc Bài đi Campuchia, có nguồn điện, nước và nguồn nhân lực dồi dào. Một cảng bên sông Vàm Cỏ sẽ được xây dựng trong Khu công nghiệp này với khả năng tiếp nhận tàu tải trọng đến 3.000 tấn.

Vốn đầu tư cho toàn dự án vào khoảng 2.800 tỷ đồng chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn I có vốn đầu tư dự kiến khoảng 800 tỷ gồm chi phí đền bù giải tỏa của toàn bộ 1.000ha và đầu tư xây dựng để khai thác 250ha. Giai đoạn II hoàn tất đưa vào khai thác quỹ đất còn lại, xây dựng cảng sông và các công trình dịch vụ tiện ích.

SBT đang tiến hành thủ tục lập công ty con, thiết lập dự án đầu tư, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết, thúc đẩy tiến trình triển khai dự án này trong thời gian sớm nhất.

Công ty con của SBT sẽ có tên là Công ty CP công nghiệp Bourbon, vốn điều lệ là 290 tỷ đồng trong đó 3 cổ đông sáng lập góp 90% vốn điều lệ, gồm SBT góp 60%, Công ty cổ phần Long Hậu góp 25% và cá nhân ông Đoàn Hồng Dũng góp 5%. Được biết, Công ty cổ phần Long Hậu đã triển khai rất thành công dự án Khu công nghiệp Long Hậu tại huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

19.3. Dự án nhà máy nhiệt điện:

Dự án này sẽ được triển khai khi Công ty đạt được sản lượng nguyên liệu từ 2 triệu tấn mía/năm. Khi đó, Nhà máy nhiệt điện sẽ tách ra khỏi hoàn toàn dây chuyền sản xuất của nhà máy đường. Nhà máy nhiệt điện này sẽ sử dụng nhiên liệu là bã mía của nhà máy đường và bổ sung thêm than đá để cung cấp năng lượng cho lò hơi.

- Công suất: 70 MW.

- Hiệu suất sử dụng: 300 ngày/năm.
- Sản lượng sản xuất: 504 triệu KWH/năm.
- Vốn đầu tư: 55 triệu USD bằng nguồn vốn tự có và vốn huy động thông qua hình thức phát hành thêm cổ phần.
- Thời gian khấu hao máy móc thiết bị: 25 năm.

19.4. Dự án sản xuất ethanol:

Hiện nay trên thế giới đã bắt đầu sử dụng một loại nhiên liệu mới cho các loại xe với tên gọi là Ethanol. Đây là loại nhiên liệu đang ngày càng được ưa chuộng do giá rẻ hơn xăng, dầu và đặc biệt đây là loại nhiên liệu sạch và có tính thân thiện với môi trường. Ethanol có thể được sản xuất từ mật rỉ mía. SBT đang kế hoạch tận dụng nguồn nguyên liệu mật rỉ trong quy trình sản xuất đường tinh luyện để làm nguyên liệu cho việc sản xuất ethanol. Dự án nhà máy sản xuất ethanol:

- Công suất thiết kế: 100.000 lít thành phẩm/ngày.
- Hiệu suất sử dụng: 300 ngày/năm.
- Sản lượng sản xuất: 30 triệu lít/năm.
- Sản lượng sản phẩm phụ (CO₂): 15.000 tấn CO₂.
- Vốn đầu tư: 10 triệu USD bằng nguồn vốn tự có.
- Thời gian khấu hao máy móc thiết bị: 20 năm.

19.5. Dự án Trung tâm Thương mại – Dịch vụ Tây Ninh:

Ngày 28/12/2007, SBT đã nộp đủ tiền thuê đất cho cả thời hạn 50 năm để thực hiện dự án. Việc bàn giao đất sẽ được tiến hành trong tháng 1 năm 2008.

Khu đất này tọa lạc tại trung tâm thị xã Tây Ninh, giáp 4 mặt đường. Theo thiết kế sơ bộ, đây sẽ là Trung tâm thương mại, Trung tâm tài chính tiền tệ, Trung tâm hội nghị kết hợp với khách sạn, nhà hàng nằm trong 2 khu liên kết với nhau, trong đó khu II là một toà nhà 10 – 12 tầng và 2 tầng hầm để xe. Công ty đang hoàn tất quy hoạch chi tiết để thông qua Sở xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để sớm khởi công công trình.

20. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2006	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2007	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2008
Doanh thu thuần	729.984	7,37%	783.134	7,28%	824.471	5,27%
Lợi nhuận sau thuế	226.718	18,9%	303.836	34,0%	353.500	16,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31,05%	9,1%	38,79%	7,74%	42,87%	4,08%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,5%	4,2%	17,7%	3,2%	19,0%	1,4%
Cổ tức/Vốn điều lệ	12%		15%	3%	17%	2%

Nguồn: SBT

Theo định hướng phát triển của ngành Mía đường trong giai đoạn 2007 - 2010 và từ năm 2010 đến 2020 để đưa sản lượng đường trong nước lên 1,5 triệu tấn đường/năm, cùng với sự phát triển ổn định của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, kế hoạch doanh thu được xây dựng dựa trên mức độ tăng trưởng của nguồn nguyên liệu trong khu vực và những dự báo về giá đường trong những năm tới. Với dự báo, sản lượng mía nguyên liệu cung cấp cho Công ty sẽ tăng khoảng 50.000 tấn/năm cho các năm 2007, 2008 và 2009 và giá đường thành phẩm sẽ dao động trong khoảng 7.200 đồng đến 7.300 đồng/kg. Các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kế hoạch tính trên tỷ lệ trên doanh thu thuần trung bình trong quá khứ. Trong năm 2007, tỷ lệ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn bằng 0.

21. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Một Thành Viên Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín xin đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh cho giai đoạn sắp tới dựa trên cơ sở thu thập dữ liệu, thông tin và nghiên cứu, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại của Công ty SBT cũng như những phân tích về ngành mía đường. Chúng tôi tin tưởng rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty SBT dự kiến trong giai đoạn 2007 – 2009 là phù hợp và hoàn toàn khả thi do các yếu tố sau đây:

- o Công ty SBT được xem là một trong những công ty mía đường hàng đầu tại Việt Nam đi đầu trong việc sử dụng máy móc thiết bị hiện đại được lắp ráp từ các nước tiên tiến bậc nhất trên thế giới, và được nhập khẩu từ Anh, Pháp, Bỉ, Thụy Điển, Úc, Mỹ, Nam Phi,...để ứng dụng sản xuất. Ngoài ra, công ty cũng trang bị hệ thống kiểm soát và điều khiển hoàn toàn tự động, công nghệ sản xuất tiên tiến như: carbonat hóa, phương pháp khuếch tán ly tâm,...
- o Công suất thiết kế của nhà máy là 1.200.000 tấn mía/vụ, tuy nhiên những mùa vụ vừa qua chỉ chạy được với công suất khoảng hơn 850.000 tấn mía/vụ. Do thấy được tầm quan trọng của việc đáp ứng đầy đủ nguyên liệu cho sản xuất, đồng nghĩa sử dụng tối đa có thể công suất máy móc, thiết bị, nhân công, tiết kiệm được chi phí, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thương trường, nên Công ty SBT luôn chú trọng duy trì, mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu bằng các biện pháp rất thực tiễn như: cho nông dân vay tiền mua đất, thuê đất trồng mía; hỗ trợ nông dân chuyển dịch từ trồng sắn, lúa sang trồng mía; bao tiêu sản phẩm đầu ra; hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình trồng trọt; xây dựng các công trình hạ tầng, tưới tiêu; tổ chức thu hoạch tận nông trường, ruộng của người trồng mía;... Đến nay, vùng nguyên liệu của công ty đã được mở rộng tới 16.000 ha, con số đầy mơ ước đối với các công ty mía đường khác. Điều này dẫn tới sản lượng mía nguyên liệu được sử dụng của công ty trong năm 2006 tăng 30% so với 2005 giúp cho công ty đạt được những

kết quả rất khả quan trong năm tài chính 2006 vừa qua, như lợi nhuận sau thuế tăng 59% so với năm 2005.

- o Ngoài ra, trong trung và dài hạn, những dự án đã, đang và sẽ thực hiện của công ty, như: Dự án hạ tầng Khu Công Nghiệp, Nhà máy Nhiệt Điện, Trung tâm Thương Mại – Dịch Vụ, Nhà máy sản xuất Ethanol,... cũng góp phần đáng kể cho kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức trong các năm tiếp theo có tính khả thi. Cụ thể, kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2007 sẽ tăng so với 2006 khoảng 19%, năm 2008 tăng so với 2007 khoảng 34%.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những số liệu và cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như kết quả đầu tư vào cổ phiếu này. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

22. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức xin niêm yết:

Không có

23. Các thông tin tranh chấp liên quan đến Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:**

Cổ phiếu phổ thông.

2. **Mệnh giá:**

10.000 đồng/ cổ phiếu.

3. **Tổng số chứng khoán niêm yết: 44.824.172 cổ phiếu.**

Đây là số chứng khoán trong tổng số 69.523.800 cổ phiếu được phép chào bán theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 451033000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007. Trong 44.824.172 cổ phiếu đã chào bán này, cổ đông chiến lược đã mua 37.462.192 cổ phiếu, cán bộ nhân viên trong công ty và người trông mía đã mua 7.361.980 cổ phiếu.

4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:**

Các cổ đông sáng lập cam kết nắm giữ 51,014% vốn điều lệ, tương ứng 72.402.000 cổ phiếu, trong vòng 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, tức là từ ngày 23/03/2007 đến hết ngày 22/03/2010.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết, và 50% số cổ phiếu này trong 6 tháng tiếp theo.

5. **Giá niêm yết:** 30.000 đồng/ cổ phiếu.

6. **Phương pháp định giá:**

Công ty TNHH MTV Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín xác định giá khởi điểm niêm yết của cổ phiếu Công ty CP Mía Đường Bourbon Tây Ninh dựa trên cơ sở tham chiếu giá trị sổ sách vào thời điểm niêm yết, khả năng phát triển của Công ty trong tương lai và sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do. Giá trị doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản nợ sẽ là giá trị vốn cổ phần và lấy giá trị

vốn cổ phần chia cho tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ thu được giá trị mỗi cổ phiếu.

Những giả định để xác định giá bao gồm hệ số chiết khấu dòng tiền được sử dụng là 14.9% (chi phí vốn bình quân – WACC).

Trên cơ sở những dữ liệu và giả định hiện tại cũng như khả năng tăng trưởng của Công ty, kết hợp với phân tích thị trường tại thời điểm hiện tại thì Công ty chứng khoán SBS nhất trí thông qua mức giá khởi điểm niêm yết là 30.000 đồng/cổ phiếu với mức P/E hiện tại là 20.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ tối đa cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Khi công ty được niêm yết trên SGDCK TPHCM, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Các loại thuế có liên quan:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 23/03/2007, Công ty vẫn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như trong Giấy phép điều chỉnh số 1316A/GPĐC2 do Bộ kế hoạch đầu tư cấp ngày 5/12/2005:
 - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% cho suốt đời dự án.
 - Công ty được miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp trong bốn năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong bốn năm tiếp theo. Cụ thể, công ty đã có lãi trong năm 2004, do đó, từ năm 2004 đến 2007, công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp; từ 2008 đến 2011, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 5%; và từ 2012 trở đi, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty sẽ là 10%.
- Theo Quy định trong Thông tư số 100/2004/TT-BTC Hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.
- Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng quy định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên chênh lệch giá khi bán cổ phiếu. Nhà đầu tư là tổ chức có

đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế *

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH

- Địa chỉ : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại : (066) 753 281
- Fax : (066) 839 834

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)

- Địa chỉ : 04 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 930 3437
- Fax : (08) 930 3365

3. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

- Trụ sở chính : 6-8 Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại : (08) 8214 888
- Fax : (08) 8213 015
- Website : www.sbsec.com.vn
- Email : sbs@sbsec.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (và các lần thay đổi);
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty;
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006; báo cáo tài chính 2007 (chưa kiểm toán);

Tây Ninh, ngày 14. tháng 02. năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHILIPPE LOMBARD



JACQUES DE CHATEAUVIEUX

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



KHÔNG VĂN MINH



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

**TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÒ NAM